

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Thị Hoa
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 234**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Bùi Thị Hoa
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Thị Hoa

Mã SV:1212401125

Lớp: QT1602K

Ngành: Kế toán- kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ
phân xây dựng Bạch Đằng 234

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Hệ thống hoá lý luận chung về tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.
 - Mô tả thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.
 - Trên cơ sở đánh giá ưu, nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
Sử dụng số liệu năm 2015.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 09 tháng 7 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Bùi Thị Hoa

ThS, Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chăm chỉ, chịu khó sưu tầm số liệu phục vụ cho bài viết;
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã đi sâu phân tích thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234 với số liệu minh họa cụ thể (tháng 3 năm 2015). Số liệu minh họa giữa chứng từ và các sổ kế toán hợp lý, logic.

Chương 3, sau khi đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234, tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số:

Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày 05 tháng 07 năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP.....	1
1.1. Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.	1
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.	1
1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.	2
1.1.2.1. Khái niệm.	2
1.1.2.2. Đặc điểm.	2
1.1.3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.	2
1.1.3.1. Yêu cầu quản lý.	2
1.1.3.2. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.	3
1.1.4. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.	4
1.1.4.1. Phân loại nguyên vật liệu.	4
1.1.4.2. Tính giá nguyên vật liệu.	5
1.2. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.	9
1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.	10
1.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển	11
1.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.	12
1.3. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.	13
1.3.1. Kế toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.	14
1.3.1.1. Chứng từ sử dụng:	14
1.3.1.2. Tài khoản sử dụng.	14
1.3.1.3. Phương pháp hạch toán.	16
1.3.2. Kế toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.	18

1.3.2.1. Chứng từ sử dụng.	18
1.3.2.2. Tài khoản sử dụng.	18
1.3.2.3. Phương pháp hạch toán.	19
1.4. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	21
1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.	22
1.5.1. Hình thức kế toán nhật ký chung.	22
1.5.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung.	22
1.5.1.2. Trình tự sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.	22
1.5.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.	23
1.5.2.1 Đặc cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.	23
1.5.2.2 Trình tự sổ kế toán theo Nhật ký - Sổ cái.	24
1.5.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.	25
1.5.3.1. Đặc cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.	25
1.5.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.	26
1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.	28
1.5.2.1 Đặc cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.	28
1.5.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.	28
1.5.2. Hình thức kế toán trên máy vi tính.	29
1.5.2.1. Đặc cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính.	29
1.5.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.	30
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN	
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH	
ĐĂNG 234 31	
2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đăng 234.	31
2.1.1 Sự hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đăng 234.	31
2.1.3. Bộ máy tổ chức quản lý tại Công ty CP xây dựng Bạch Đăng 234.	32
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đăng 234.	33

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.	33
2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán tại công ty.....	35
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán áp dụng tại công ty.	35
2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại công ty.	35
2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.	37
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.	37
2.2.1. Đặc điểm tổ chức quản lý nguyên vật liệu tại Công ty Hanvico. 2.2.1.1.	
2.2.1.1. Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu tại Công ty.	37
2.2.1.2. Tính giá nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234	37
2.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty.....	40
2.2.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234	56
2.2.3.2 Tài khoản kế toán sử dụng.	56
2.2.3.3 Quy trình hạch toán.....	56
2.2.3.4. Ví dụ minh họa.....	58
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 234.....	69
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.....	69
3.1.1. Ưu điểm.....	69
3.1.2. Hạn chế.....	72
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.	73
3.2.1. Hoàn thiện về việc kiểm nghiệm chất lượng nguyên vật liệu nhập kho... 74	
3.2.2. Về việc lập sổ danh điểm vật tư.	76
3.2.3. Về việc lập biên bản kiểm kê vật liệu tồn kho cuối tháng.	78
3.2.4. Hoàn thiện công tác kế toán luân chuyển chứng từ.	80

3.2.5. Hoàn thiện về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	80
3.2.6. Một số giải pháp khác.	85
3.2.6.1. Quản lý và sử dụng vật tư.	85
3.2.6.2. Về việc tổ chức kho bảo quản.	85
3.2.6.3. Bộ máy kế toán.....	86
KẾT LUẬN	87
TÀI LIỆU THAM KHẢO	88

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu mẫu số 2.1: Hóa đơn GTGT	42
Biểu mẫu số 2.2 (Trích phiếu nhập kho).....	43
Biểu mẫu số 2.3 Giấy đề nghị cấp vật tư.	44
Biểu mẫu số 2.4 Phiếu xuất kho.....	45
Biểu mẫu số 2.5 Thẻ kho.....	46
Biểu mẫu số 2.6 Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm hàng hóa)	47
Biểu mẫu số 2.7: Hóa đơn GTGT đầu vào.....	49
Biểu mẫu số 2.8 (Trích phiếu nhập kho).....	50
Biểu mẫu số 2.9 Giấy đề nghị cấp vật tư.	51
Biểu mẫu số 2.10 Phiếu xuất kho.....	52
Biểu mẫu số 2.11 Thẻ kho.....	53
Biểu mẫu số 2.12 Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)	54
Biểu mẫu số 2.13: Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.....	55
Biểu mẫu số 2.14: Hóa đơn GTGT	59
Biểu mẫu số 2.15: (Trích phiếu nhập kho).....	60
Biểu mẫu số 2.16: Phiếu xuất kho.....	61
Biểu mẫu số 2.17: Hóa đơn GTGT đầu ra	62
Biểu số 2.18 Ủy nhiệm chi	63
Biểu mẫu số 2.19: (Trích phiếu nhập kho).....	64
Biểu mẫu số 2.20: Phiếu xuất kho.....	65
Biểu mẫu số 2.21: Trích sổ nhật ký chung.....	66
Biểu mẫu số 2.22: Trích sổ cái TK 152	67
Biểu mẫu số 2.23: Trích bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	68
Biểu số 3.1: Biên bản kiểm nghiệm vật tư	75
Biểu số 3.2: Sổ danh điểm vật tư.	78
Biểu số 3.3: Biên bản kiểm kê vật liệu tồn kho	79
Biểu số 3.3: Sổ giao nhận chứng từ.	80
Biểu mẫu số 3.4: Sổ chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho	84

DANH MỤC S Ơ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.....	11
Sơ đồ 1.2: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	11
Sơ đồ 1.3: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.....	13
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	17
Sơ đồ.1.5: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	20
Sơ đồ 1.6. trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	23
Sơ đồ 1.7. trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.	25
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.	27
Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ..	29
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.	30
Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty CP xây dựng Bạch Đằng 234.....	32
Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán Công ty CP xây dựng Bạch Đằng 234.	34
<i>Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán tại đơn vị theo hình thức kế toán Nhật ký chung</i>	<i>36</i>
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song tại công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234	40
Sơ đồ 2.5 . Quy trình hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234	57

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, xu hướng cạnh tranh là tất yếu. Bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng cần quan tâm đến nhu cầu thị trường đang cần sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu thị trường và sản phẩm đó phải có chất lượng cao nhất với giá thành thấp nhất để thu lợi nhuận nhiều nhất.

Nguyên liệu, vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, nó chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và trong giá thành của doanh nghiệp, có tác động trực tiếp đến chất lượng và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp. Việc hạch toán vật liệu phản ánh chính xác tình hình biến động của vật liệu và cung cấp thông tin cho các hoạt động quản trị của doanh nghiệp. Nhất là trong điều kiện hiện nay, sử dụng vật tư có hiệu quả là một mục tiêu quan trọng giúp doanh nghiệp hạ giá thành sản phẩm và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

Qua thời gian thực tập tại công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234, nhận thấy được tầm quan trọng của nguyên vật liệu đối với sản xuất và công tác kế toán nguyên vật liệu, em đã lựa chọn đề tài “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234”.

Ngoài lời mở đầu và kết luận, khoá luận của em có kết cấu như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.

Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.

Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu để hoàn thành bài khóa luận, song em cũng không thể tránh khỏi những hạn chế nhất định, em mong được sự chỉ bảo tham gia góp ý của các bác trong ban lãnh đạo, các cô chú trong phòng tài chính - kế toán, đặc biệt là sự góp ý của thầy cô giáo giúp em bổ sung và hoàn thiện bài khoá luận đạt kết quả tốt hơn.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Nguyên vật liệu là một trong những nhân tố cấu thành nên sản phẩm, sau quá trình sản xuất kinh doanh giá trị của nó chuyển dịch hết vào giá trị của sản phẩm. Do đó nguyên vật liệu có vai trò quan trọng trong sản xuất kinh doanh. Đối với những doanh nghiệp xây dựng, thông thường chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng rất lớn khoảng 70% giá trị công trình. Một hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không thể thực hiện được nếu thiếu một trong ba yếu tố: lao động, tư liệu lao động và đối tượng lao động. Trong đó con người với tư cách là chủ thể lao động sử dụng vật liệu lao động và đối tượng lao động để tạo ra của cải vật chất. Để hoạt động sản xuất kinh doanh có thể diễn ra thì phải có nguyên vật liệu, vậy nên quản lý nguyên vật liệu là nhân tố quan trọng của các doanh nghiệp. Tuy nhiên ở mỗi doanh nghiệp khác nhau thì lại có phạm vi, mức độ, phương pháp quản lý khác nhau. Khi kinh tế ngày càng phát triển thì các phương pháp quản lý cũng trở nên hoàn thiện hơn vì vậy các doanh nghiệp phải áp dụng phương pháp quản lý phù hợp với công tác sản xuất của mình nhằm hiệu quả tối ưu nhất.

Kế toán là công cụ phục vụ cho việc quản lý nguyên vật liệu. Nó góp phần kiểm soát, tránh thất thoát, lãng phí nguyên vật liệu ở tất cả các khâu dự trữ, sử dụng, thu hồi... ngoài ra còn đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời, đồng bộ các nguyên vật liệu cần thiết cho sản xuất. Kế toán nguyên vật liệu giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp nắm được tình hình vật tư để chỉ đạo tiến độ sản xuất. Hạch toán nguyên vật liệu phải đảm bảo chính xác, kịp thời và đầy đủ tình hình thu mua, nhập, xuất, dự trữ vật liệu. Tính chính xác của hạch toán kế toán nguyên vật liệu ảnh hưởng đến tính chính xác của giá thành sản phẩm.

Vì vậy việc tổ chức hạch toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp là rất cần thiết, tạo tiền đề cho việc thực hiện mục tiêu lợi nhuận.

1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.1.2.1. Khái niệm.

Theo chuẩn mực số 02- Hàng tồn kho (Ban hành theo TT 200/2014/QĐ _ BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hàng tồn kho của doanh nghiệp là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường, gồm:

- Hàng mua đang đi trên đường;
- Nguyên liệu, vật liệu; Công cụ, dụng cụ;
- Sản phẩm dở dang;
- Thành phẩm, hàng hoá; hàng gửi bán;
- Hàng hoá được lưu giữ tại kho bảo thuê của doanh nghiệp

Như vậy nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ là một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng của sản phẩm được sản xuất và được thể hiện dưới dạng vật hóa như: hạt nhựa trong doanh nghiệp sản xuất đồ nhựa, vải trong doanh nghiệp may mặc, sắt thép trong doanh nghiệp cơ khí...

1.1.2.2. Đặc điểm.

Thứ nhất, về mặt vốn: Nguyên vật liệu là thành phần quan trọng của vốn lưu động, đặc biệt là vốn dự trữ của doanh nghiệp. Để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, doanh nghiệp cần phải tăng tốc luân chuyển vốn lưu động và điều đó không thể tách rời việc dự trữ, sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả, hợp lý nhất.

Thứ hai, về mặt giá trị: Khác với tư liệu lao động, khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nguyên vật liệu bị tiêu hao toàn bộ, không giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu và chuyển dịch toàn bộ giá trị một lần vào chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

1.1.3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.1.3.1. Yêu cầu quản lý.

Xuất phát từ vị trí đặc điểm của vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh. Để quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra một cách liên tục thì phải đảm

bảo cung cấp nguyên vật liệu kịp thời về mặt số lượng, chất lượng cũng như chủng loại vật liệu do nhu cầu sản xuất ngày càng phát triển đòi hỏi vật liệu ngày càng nhiều để đáp ứng nhu cầu sản xuất sản phẩm và kinh doanh có lãi là mục tiêu của doanh nghiệp hướng tới. Vì vậy, quản lý tốt ở khâu thu mua, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu là điều kiện cần thiết để đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, giá thành giảm, tăng lợi nhuận của doanh nghiệp.

Nguyên vật liệu là tài sản dự trữ cho sản xuất thường xuyên biến động. Do vậy, các doanh nghiệp cần giám sát chặt chẽ quá trình thu mua, bảo quản và sử dụng vật liệu một cách có hiệu quả.

❖ **Trong khâu thu mua:** đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm về mặt số lượng, chủng loại, chất lượng, giá cả hợp lý phản ánh đầy đủ chính xác giá thực tế của vật liệu.

❖ **Trong khâu dự trữ và bảo quản:** Doanh nghiệp phải tổ chức hệ thống kho tàng hợp lý, đúng chế độ bảo quản với từng loại vật liệu để tránh hư hỏng, thất thoát, mất phẩm chất ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

❖ **Trong khâu sử dụng:** Sử dụng vật liệu theo đúng định mức tiêu hao, đúng chủng loại vật liệu, nhằm phát huy hiệu quả sử dụng vật liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm, chi phí vật liệu trong giá thành sản phẩm vì đòi hỏi tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh tình hình xuất vật liệu. Tính toán phân bổ chính xác cho từng đối tượng sử dụng theo phương pháp thích hợp, cung cấp số liệu kịp thời chính xác cho công tác tính giá sản phẩm. Đồng thời thường xuyên hoặc định kỳ phân tích tình hình thu mua, bảo quản dự trữ và sử dụng vật liệu, trên cơ sở đề ra những biện pháp cần thiết cho việc quản lý ở từng khâu, nhằm giảm mức tiêu hao vật liệu trong sản xuất sản phẩm, là cơ sở để tăng thêm sản phẩm cho xã hội.

1.1.3.2. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý kế toán trong doanh nghiệp cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ứng chính xác kịp thời và kiểm tra chặt chẽ tình hình cung cấp nguyên vật liệu trên các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại và thời gian cung cấp.
- Tính toán và phân bổ chính xác kịp thời giá trị nguyên vật liệu xuất dùng cho các đối tượng khác nhau, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện định mức tiêu hao

vật tư, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những trường hợp sử dụng vật tư sai mục đích, lãng phí.

-Thực hiện việc kiểm kê nguyên vật liệu theo yêu cầu quản lý, lập các báo cáo về tình hình sử dụng nguyên vật liệu, tham gia công tác phân tích việc thực hiện kế hoạch thu mua, dự trữ, sử dụng nguyên vật liệu.

1.1.4. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.1.4.1. Phân loại nguyên vật liệu.

Để đảm bảo cho quá trình quản lý và sử dụng có hiệu quả thì việc phân loại nguyên vật liệu là rất cần thiết bởi mỗi cách phân loại khác nhau sẽ có ý nghĩa khác nhau cho người quản lý và sử dụng.

Trong doanh nghiệp, để tiến hành sản xuất thì cần rất nhiều loại nguyên vật liệu. Việc phân loại nguyên vật liệu có cơ sở khoa học hợp lý là điều kiện để có thể quản lý một cách chặt chẽ và tổ chức hạch toán chi tiết phục vụ cho công tác quản lý trong doanh nghiệp.

❖ Phân loại theo vai trò và công dụng chủ yếu của nguyên vật liệu

- Nguyên liệu, vật liệu chính: Là đối tượng chủ yếu cấu thành lên thực thể của sản phẩm.

- Vật liệu phụ: Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bề ngoài, tăng thêm chất lượng của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường, hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, bảo quản đóng gói; phục vụ cho quá trình lao động.

- Nhiên liệu: là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể khí và thể rắn như: xăng, dầu, than, củi, khí, ga....

- Phụ tùng thay thế: là những loại phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa những máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất....

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng cơ bản.

- Vật liệu khác: bao gồm những loại vật liệu chưa được sắp xếp vào các loại trên, những phế liệu được loại ra từ quá trình sản xuất, hoặc thu hồi từ thanh lý tài sản.

❖ Căn cứ vào nguồn hình thành, nguyên vật liệu được chia thành:

- Nguyên vật liệu nhập từ bên ngoài: Do doanh nghiệp mua, nhận góp vốn liên doanh, nhận biếu tặng, được cấp...

- Nguyên vật liệu tự chế: Do doanh nghiệp tự sản xuất phục vụ cho nhu cầu sản xuất của mình.

❖ Căn cứ vào mục đích, công dụng, nguyên vật liệu chia thành:

- Nguyên vật liệu sử dụng cho mục đích sản xuất: Là những nguyên vật liệu trực tiếp phục vụ cho quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm.

- Nguyên vật liệu sử dụng cho mục đích khác: Như nguyên vật liệu sản xuất chung, cho quản lý doanh nghiệp, nguyên vật liệu đem đi góp vốn.

1.1.4.2. Tính giá nguyên vật liệu.

➤ Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho

Đánh giá nguyên vật liệu là những việc xác định giá trị của vật liệu ở những thời điểm nhất định và tuân theo những nguyên tắc quy định chung.

Kế toán nhập, xuất, tồn kho nguyên liệu, vật liệu trên tài khoản 152 phải được thực hiện theo nguyên tắc giá gốc quy định trong chuẩn mực “Hàng tồn kho”. Nội dung giá gốc của nguyên liệu, vật liệu được xác định tùy theo từng nguồn nhập.

*** Đối với nguyên vật liệu do doanh nghiệp mua ngoài (mua trong nước hoặc nước ngoài).**

Giá thực tế NVL nhập kho	=	Giá mua ghi trên hóa đơn	+	Chi phí thu mua thực tế	+	Các khoản thuế không được hoàn lại	=	CKTM, giảm giá hàng mua
--------------------------------	---	--------------------------------	---	-------------------------------	---	--	---	-------------------------------

Nếu nguyên vật liệu được mua từ nước ngoài, thì thuế nhập khẩu được tính vào giá nhập kho. Khoản thuế GTGT phải nộp khi mua nguyên vật liệu cũng được tính vào giá trị nhập nếu doanh nghiệp không thuộc diện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

***Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:**

Giá trị thực tế của NVL thuê ngoài gia công chế biến = Giá trị thực tế của NVL xuất thuê ngoài gia công chế biến + Chi phí thuê ngoài gia công chế biến + Chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản (nếu có)

***Đối với nguyên vật liệu tự chế:**

Giá trị thực tế của NVL tự chế = Giá thành sản xuất NVL + Chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản (nếu có)

***Đối với nguyên vật liệu được cấp:**

Giá trị thực tế của NVL được cấp = Giá theo biên bản giao nhận + Chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản (nếu có)

***Đối với nguyên vật liệu nhận vốn góp liên doanh:**

Giá trị thực tế của NVL nhận vốn góp liên doanh = Giá trị vốn góp do HDLD đánh giá + Chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản (nếu có)

***Đối với nguyên vật liệu được biếu tặng, viện trợ:**

Giá trị thực tế của NVL được biếu tặng, viện trợ = Giá trị tại thời điểm nhận + Các chi phí khác phát sinh

***Đối với phế liệu thu hồi từ sản xuất:**

Giá trị thực tế của phế liệu thu hồi = Giá có thể sử dụng lại hoặc có thể bán

➤ **Tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho.**

Việc lựa chọn phương pháp tính giá xuất kho phải căn cứ vào đặc điểm của từng doanh nghiệp về số lượng danh điểm, số lần nhập xuất hàng tồn kho, trình độ của nhân viên kế toán, thủ kho, điều kiện kho tàng của doanh nghiệp.

Để tính giá trị xuất của hàng hóa tồn kho, theo thông tư 200/2014/TT-BTC kế toán có thể áp dụng một trong các phương pháp sau:

*** Phương pháp đích danh:**

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng thứ hàng hoá mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng được phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

***Phương pháp bình quân gia quyền .**

- Theo phương pháp này, trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu xuất kho được tính căn cứ vào số lượng nguyên vật liệu xuất kho và đơn giá tính bình quân. Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả vật tư hàng hóa khi nhập, xuất kho.

✓ **Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.**

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tuỳ theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân.

Công thức tính:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của vật} \\ \text{liệu xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng thực} \\ \text{tế xuất kho} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Đơn giá thực tế} \\ \text{bình quân} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế vật} \\ \text{liệu tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế vật} \\ \text{liệu nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng tồn đầu kỳ} \\ \text{+} \\ \text{Số lượng vật liệu} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}$$

Trong đó: Đơn giá bình quân được xác định cho từng thứ vật tư.

- Đơn giá bình quân có thể được xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ.

- Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ.

- Nhược điểm: Độ chính xác không cao, hơn nữa, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Ngoài ra, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

✓ **Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn (bình quân sau mỗi lần nhập)**

Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập nguyên vật liệu, kế toán tính đơn giá bình quân sau đó căn cứ vào đơn giá bình quân và số lượng vật liệu xuất để tính giá trị vật liệu xuất.

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân sau lần} \\ \text{nhập } j \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá NVL tồn trước} \\ \text{lần nhập } j \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá NVL} \\ \text{nhập lần } j \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng NVL tồn} \\ \text{trước lần nhập } j \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng NVL} \\ \text{nhập lần } j \end{array}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

*** Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO).**

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất ra trước và đơn giá của hàng nhập trước sẽ được dùng làm đơn giá để tính cho hàng xuất trước. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng.

Với phương pháp này, việc tính toán đơn giản, dễ làm và tương đối hợp lý. Song khối lượng tính toán nhiều, phụ thuộc và xu thế giá cả thị trường, phù hợp với doanh nghiệp ít danh điểm nguyên vật liệu.

*** Phương pháp giá bán lẻ.**

Đây là phương pháp mới bổ sung theo thông tư 200.

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

Chi phí mua hàng trong kỳ được tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ. Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí mua hàng tùy thuộc tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp nhưng phải thực hiện theo nguyên tắc nhất quán.

Phương pháp giá bán lẻ được áp dụng cho một số đơn vị đặc thù (ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự).

Đặc điểm của loại hình kinh doanh siêu thị là chủng loại mặt hàng rất lớn, mỗi mặt hàng lại có số lượng lớn. Khi bán hàng, các siêu thị không thể tính ngay giá vốn của hàng bán vì chủng loại và số lượng các mặt hàng bán ra hàng ngày rất nhiều, lượng khách hàng đông. Vì vậy, các siêu thị thường xây dựng một tỷ lệ lợi nhuận biên trên giá vốn hàng mua vào để xác định ra giá bán hàng hóa (tức là doanh thu). Sau đó, căn cứ doanh số bán ra và tỷ lệ lợi nhuận biên, siêu thị sẽ xác định giá vốn hàng đã bán và giá trị hàng còn tồn kho.

Ngành kinh doanh bán lẻ như hệ thống các siêu thị đang phát triển mạnh mẽ. Mặc dù Chuẩn mực Việt Nam chưa có quy định cách tính giá gốc hàng tồn kho theo phương pháp bán lẻ nhưng thực tế các siêu thị vẫn áp dụng vì các phương pháp khác đã quy định trong Chuẩn mực không phù hợp để tính giá trị hàng tồn kho và giá vốn hàng bán của siêu thị. Việc bổ sung quy định này là phù hợp với thực tiễn kinh doanh bán lẻ tại Việt Nam và phù hợp với thông lệ quốc tế. Các thông tin về doanh số của siêu thị được xác định hàng ngày sẽ là căn cứ để xác định giá vốn và giá trị hàng tồn kho của siêu thị.

➤ **Doanh nghiệp lựa chọn phương pháp tính giá nào thì phải đảm bảo tính nhất quán trong cả niên độ kế toán.**

1.2. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Kế toán nguyên vật liệu là việc theo dõi, ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn kho của từng thiết bị nguyên vật liệu sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh nhằm cung cấp thông tin chi tiết để quản lý từng danh điểm vật tư. Trong thực tế công tác kế toán hiện nay ở nước ta nói chung và các doanh nghiệp công nghiệp nói riêng đang áp dụng một trong ba phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu như sau: Phương pháp thẻ song song, phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển, phương pháp sổ số dư.

1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.

- Tại kho: Trong kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật liệu ở từng ngày kho theo chỉ tiêu số lượng.

Hàng ngày thủ kho căn cứ vào các phiếu nhập, xuất kho để ghi chép vào các thẻ kho, cuối ngày tính số tồn kho được ghi trên thẻ kho và gửi phiếu nhập, xuất kho cho kế toán. Thẻ kho được sử dụng để theo dõi, ghi chép số hiện có và tình hình biến động của từng vật liệu theo từng kho về số lượng.

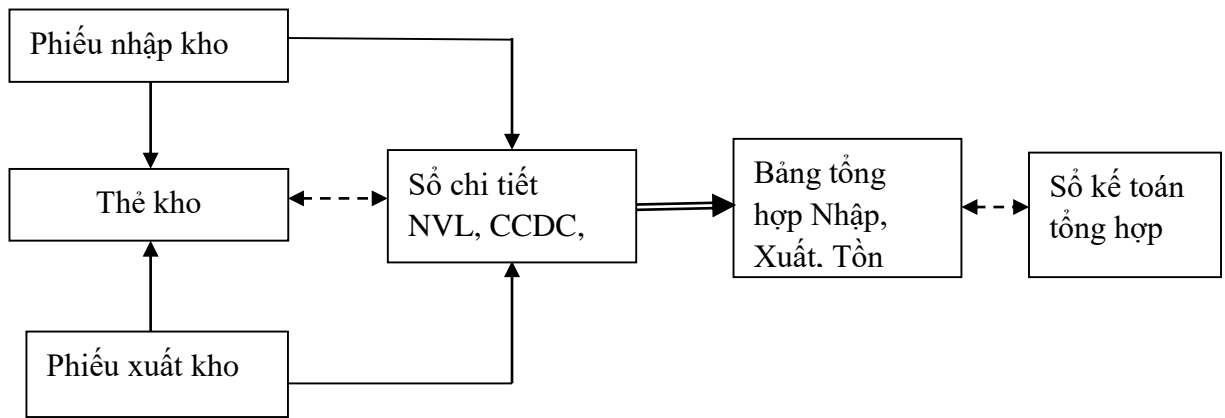
- Tại phòng kế toán: Kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết vật liệu ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn kho của từng loại vật liệu cả về mặt hiện vật và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi nhận các chứng từ nhập, xuất kho vật liệu do thủ kho chuyển lên, kế toán kiểm tra và ghi vào sổ chi tiết hàng hóa vật tư theo từng loại mặt hàng về số lượng, giá trị.

- Cuối kỳ kế toán tiến hành cộng sổ và tính ra số tồn kho cho từng loại vật liệu, đồng thời tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết vật liệu với thẻ kho tương ứng. Căn cứ vào các sổ chi tiết vật liệu kế toán lấy số liệu để ghi vào bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho vật liệu. Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và chi tiết, kế toán phải căn cứ vào sổ kế toán chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho của từng loại vật liệu. Số liệu của bảng này được đối chiếu với số liệu của phần kế toán tổng hợp.

+ Ưu điểm: Việc ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu số lượng.

+ Nhược điểm: Việc ghi chép giữa thủ kho và kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng. Hơn nữa, việc kiểm tra đối chiếu tiến hành vào cuối tháng làm hạn chế chức năng kiểm tra kịp thời của kế toán.

+ Phạm vi áp dụng: Phương pháp này áp dụng thích hợp trong các doanh nghiệp ít chủng loại vật liệu, số lượng các nghiệp vụ nhập, xuất ít, không thường xuyên và trình độ chuyên môn của cán bộ còn hạn chế.



Ghi chú:

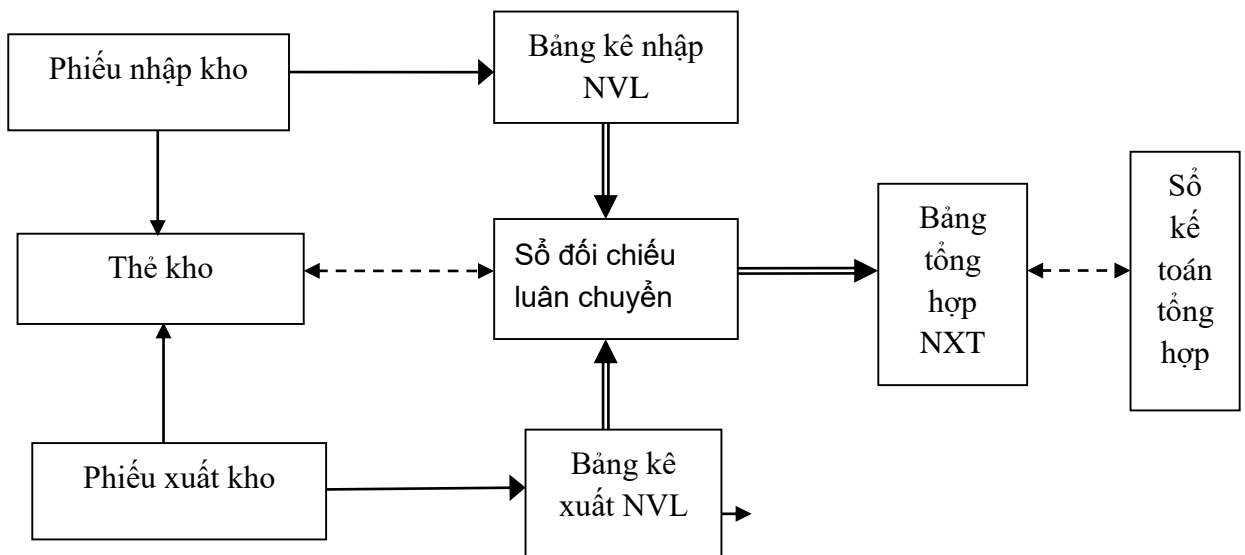
Ghi cuối ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.1: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song

1.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.



Ghi cuối ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

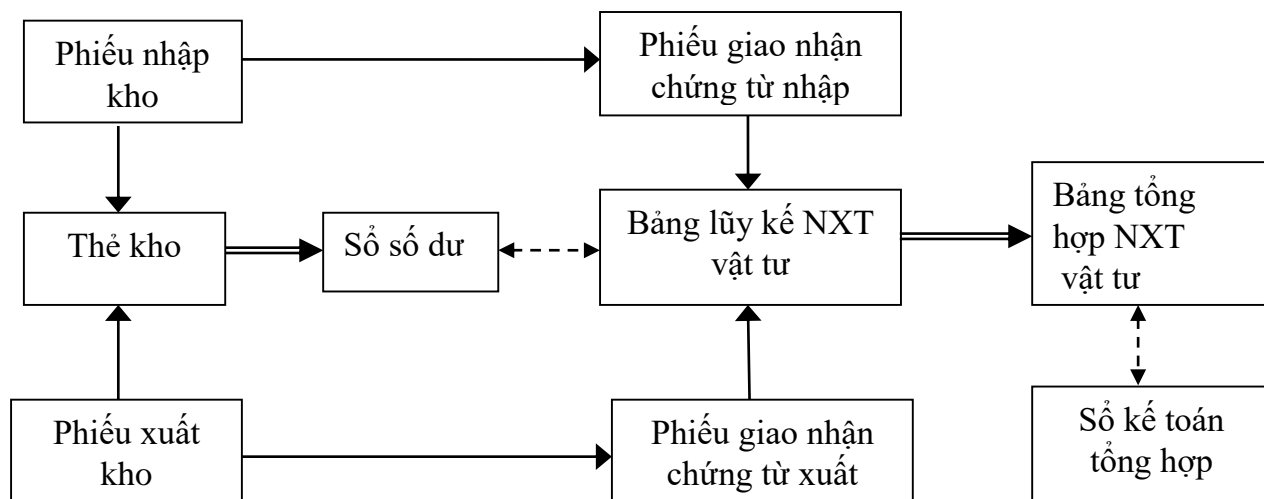
Sơ đồ 1.2: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

-
- Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tương tự như phương pháp thẻ song song.
 - Tại phòng kế toán: Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển nguyên vật liệu theo từng kho. Cuối tháng trên cơ sở phân loại chứng từ nhập – xuất nguyên vật liệu theo từng danh điểm nguyên vật liệu và dựa vào bảng kê này để ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển. Khi nhận được thẻ kho, kế toán tiến hành đối chiếu tổng lượng nhập – xuất của từng thẻ kho với sổ đối chiếu luân chuyển. Đồng thời từ sổ đối chiếu luân chuyển lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn vật liệu để đối chiếu với số liệu trong sổ kế toán tổng hợp.
 - + Ưu điểm: Phương pháp này dễ làm, do chỉ ghi một lần vào cuối tháng nên giảm bớt được khối lượng công việc ghi chép cho kế toán.
 - + Nhược điểm: Việc ghi chép còn trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu hiện vật, việc kiểm tra đối chiếu giữa thu kho và phòng kế toán cũng tiến hành vào cuối tháng nên hạn chế tác dụng kiểm tra.
 - + Phạm vi áp dụng: Phương pháp này thích hợp trong các doanh nghiệp có khối lượng nghiệp vụ nhập – xuất không nhiều, không bố trí riêng kế toán chi tiết vật liệu nên không có điều kiện ghi chép theo dõi hàng ngày.

1.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.

- Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn. Cuối tháng, thủ kho còn phải ghi số lượng tồn kho trên thẻ kho vào sổ số dư.
- Tại phòng kế toán: Định kỳ 5 đến 10 ngày, kế toán nhận chứng từ do thủ kho chuyển đến (kèm theo phiếu giao nhận chứng từ). Căn cứ vào đó, kế toán lập bảng lũy kế nhập, xuất, tồn. Từ bảng lũy kế nhập, xuất, tồn, kế toán lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn vật liệu để đối chiếu với sổ kế toán tổng hợp.
 - + Ưu điểm: Hiệu suất công tác cao, tránh được sự ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán, giảm bớt khối lượng ghi chép kế toán, việc kiểm tra ghi chép của thủ kho được tiến hành thường xuyên, đảm bảo được chính xác và kịp thời.
 - + Nhược điểm: Do kế toán chỉ theo dõi về mặt giá trị nên muốn biết tình hình tăng giảm của từng vật liệu về mặt số lượng, nhiều khi phải xem số lượng trên thẻ kho. Hơn nữa, việc kiểm tra, phát hiện sai sót nhầm lẫn giữa thủ kho và phòng kế toán gặp khó khăn.

+ Phạm vi áp dụng: Phương pháp này thích hợp trong các doanh nghiệp sản xuất có khối lượng nghiệp vụ nhập – xuất nhiều, thường xuyên, nhiều chủng loại vật liệu và với điều kiện doanh nghiệp sử dụng giá hạch toán để hạch toán nhập, xuất, trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán là tương đối cao.



Ghi chú:

Ghi cuối ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.3: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.

1.3. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc ghi chép sự biến động về mặt giá trị của nguyên vật liệu trên các sổ sách kế toán tổng hợp. Trong hệ thống kế toán hiện hành nguyên vật liệu thuộc nhóm hàng tồn kho nên kế toán áp dụng tổng hợp nguyên vật liệu có thể tiến hành theo một trong hai phương pháp sau:

- Phương pháp kế toán kê khai thường xuyên.
- Phương pháp kiểm kê định kỳ.

Việc sử dụng phương pháp nào là tùy thuộc vào doanh nghiệp và yêu cầu của công việc quản lý, trình độ của cán bộ kế toán cũng như các quy định của chế độ kế toán hiện hành.

1.3.1. Kế toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho.

Phương pháp này được sử dụng phổ biến ở nước ta vì những tiện ích của nó như: độ chính xác cao, cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời cập nhật.

Theo phương pháp này, kế toán có thể theo dõi số lượng nhập xuất tồn kho của từng loại nguyên vật liệu và trị giá vốn thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho trên tài khoản sổ kế toán được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong toán. Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế, kế toán nguyên vật liệu so sánh và đối chiếu với số liệu nguyên vật liệu trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân và có giải pháp xử lý kịp thời.

Phương pháp kê khai thường xuyên áp dụng cho các đơn vị sản xuất, xây lắp...và các đơn vị thường xuyên kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị...

+ Ưu điểm: Phương pháp này có độ chính xác cao và cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời, tại bất kỳ thời điểm nào kế toán cũng có thể xác định được lượng nhập, xuất, tồn kho từng loại hàng tồn kho.

+ Nhược điểm: Phương pháp này tốn nhiều công tính toán.

1.3.1.1. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu nhập kho.
- Phiếu xuất kho.
- Hóa đơn GTGT.
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư.
- Phiếu đề nghị xuất vật tư.
-

1.3.1.2. Tài khoản sử dụng.

❖ Tài khoản 152 – Nguyên liệu, vật liệu.

Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có, biến động tăng giảm của các loại nguyên vật liệu theo giá thực tế.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

-
- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác.
 - Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.
 - Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên Có:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến, hoặc đưa đi góp vốn.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua.
- Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê.
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số dư bên Nợ:

Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

❖ Tài khoản 151 - Hàng mua đang đi đường.

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị các loại nguyên vật liệu mà doanh nghiệp đã mua, đã chấp nhận thanh toán với người bán cuối kỳ chưa về nhập kho.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường.
- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng vật tư mua đang đi đường cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên Có:

- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường, đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng.

- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

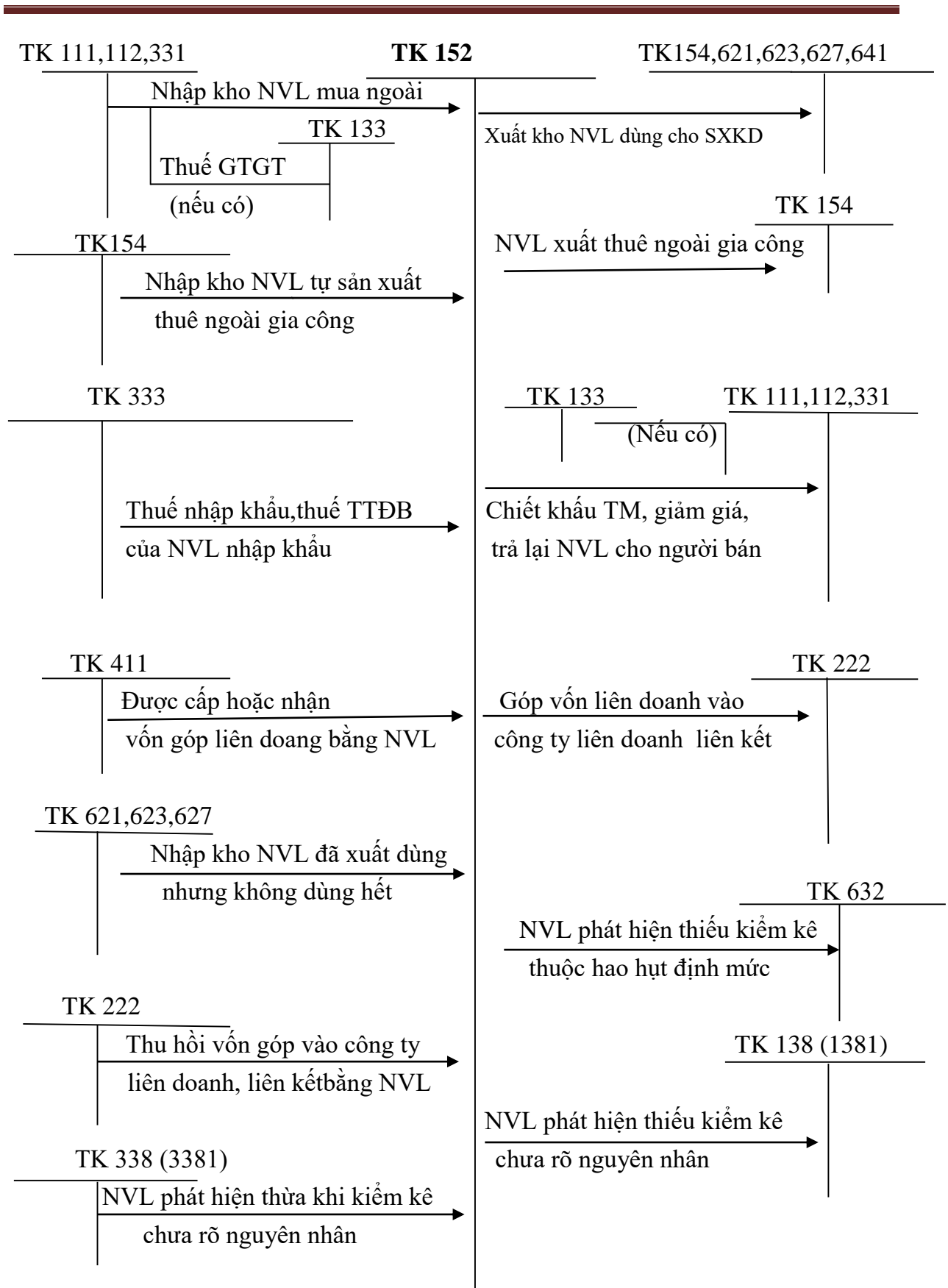
Số dư bên Nợ: Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho doanh nghiệp).

Ngoài ra, kế toán nguyên vật liệu còn sử dụng một số tài khoản:

- Tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.
- Tài khoản 331 - Phải trả người bán
- Tài khoản 621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.
- Tài khoản 627 - Chi phí sản xuất chung.
- Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng.
- Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Tài khoản 142 - Chi phí trả trước ngắn hạn.

1.3.1.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau:



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.

1.3.2. Kế toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập, xuất, tồn kho của nguyên vật liệu trên các tài khoản hàng tồn kho. Các tài khoản này chỉ phản ánh trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ hoặc cuối kỳ. Trị giá vốn thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên “Tài khoản mua hàng”. Việc xác định trị giá vốn thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho không căn cứ vào các chứng từ xuất kho mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ để tính theo công thức sau.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá thực tế} & = & \text{Trị giá thực tế} & + & \text{Trị giá thực tế} & - & \text{Trị giá thực tế} \\ \text{của NVL xuất} & & \text{của NVL tồn} & & \text{của NVL nhập} & & \text{của NVL tồn} \\ \text{kho trong kỳ} & & \text{kho đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{kho cuối kỳ} \end{array}$$

Phương pháp này thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá với quy cách mẫu mã khác nhau, giá trị thấp và được xuất thường xuyên. Phương pháp kiểm kê định kỳ có ưu điểm là giảm nhẹ khối lượng công việc hạch toán nhưng độ chính xác về vật tư, hàng hoá xuất dùng cho các mục đích khác nhau phụ thuộc vào công tác quản lý tại kho, quầy, bến bãi.

1.3.2.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu nhập kho.
- Phiếu xuất kho.
- Hóa đơn GTGT.
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư.
- Phiếu đề nghị xuất vật tư.
-

1.3.2.2. Tài khoản sử dụng.

❖ Tài khoản 611 “Mua hàng”.

Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế của số vật liệu mua vào, xuất trong kỳ.

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho đầu kỳ (Theo kết quả kiểm kê).

- Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua vào trong kỳ, hàng hóa đã bán trả lại...

Bên có:

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ (Theo kết quả kiểm kê).

- Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (Chưa được xác định là bán trong kỳ)

- Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 152 “Nguyên vật liệu”.

Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho, chi tiết cho từng loại.

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ: Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ.

Bên có: Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ

Số dư bên nợ: Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ hoặc cuối kỳ.

❖ Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”.

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị các nguyên vật liệu mà doanh nghiệp đã mua, đã chấp nhận thanh toán với người bán nhưng cuối kỳ chưa về nhập kho.

Bên nợ: Kết chuyển giá trị thực tế của hàng hóa, vật tư đang đi đường cuối kỳ.

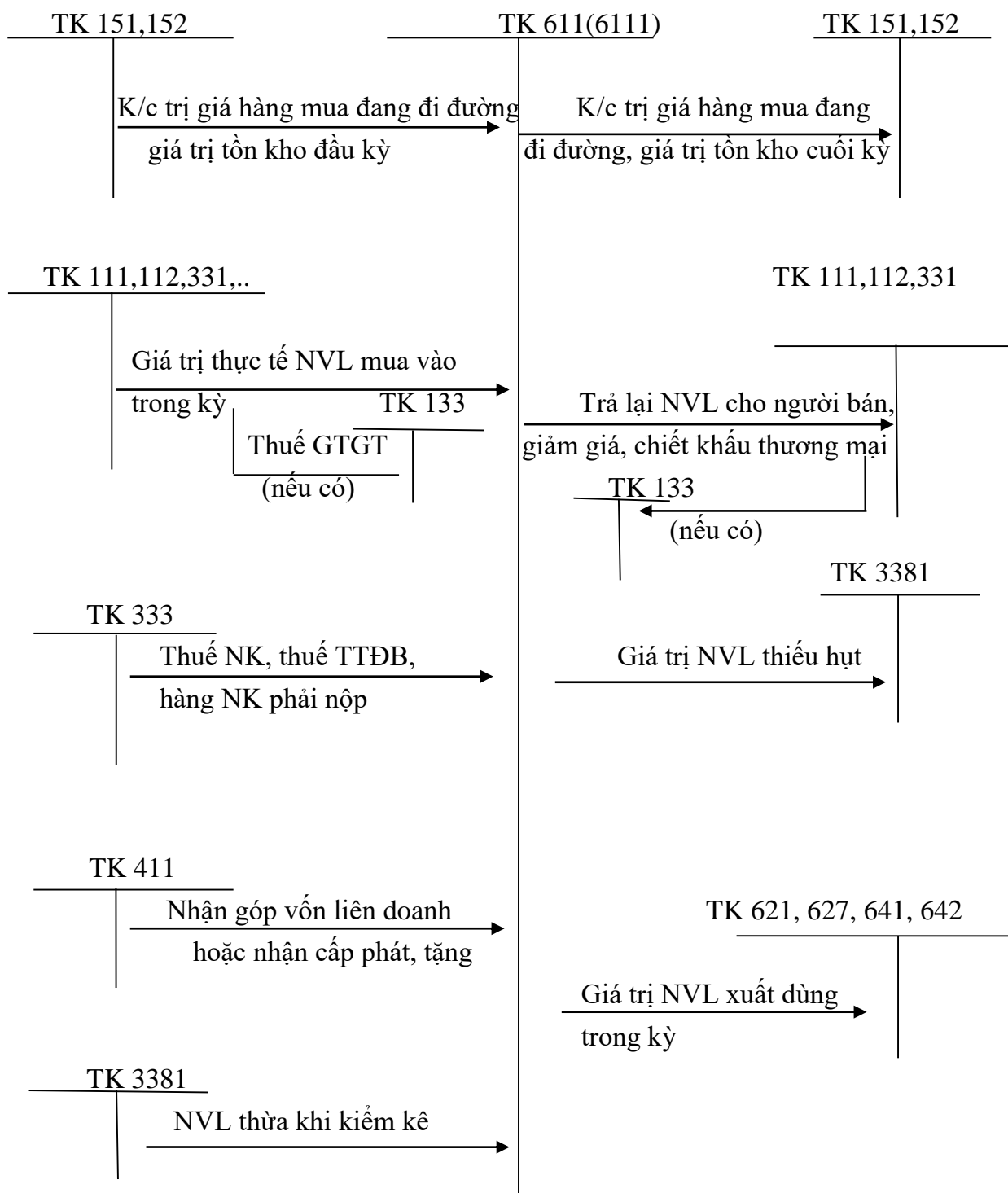
Bên có: Kết chuyển giá trị thực tế của hàng hóa, vật tư đang đi đường đầu kỳ.

Số dư bên nợ: Giá trị thực tế hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa nhập kho đơn vị).

*Ngoài ra, trong quá trình hạch toán kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác liên quan như 133,331,111,112...

1.3.2.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.5 như sau:



Sơ đồ.1.5: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.4. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho không được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

- Cách xác định dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Cuối kì kế toán năm (hoặc quý), khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán.

Có TK 229: Dự phòng tổn thất tài sản (2294).

Cuối kì kế toán năm (hoặc quý) tiếp theo.

Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn).

Có TK229: Dự phòng tổn thất tài sản (2294).

Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn ghi:

Nợ TK229: Dự phòng tổn thất tài sản (2294).

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn).

Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư, hàng hóa bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, ghi:

Nợ TK229: Dự phòng tổn thất tài sản (số được bù đắp bằng dự phòng).

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (nếu số tổn thất cao hơn số đã lập dự phòng).

Có các TK 152,153,155,156.

Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trước khi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển thành công ty cổ phần: Khoản dự phòng

giảm giá hàng tồn kho sau khi bù đắp tổn thất, nếu được hạch toán tăng vốn nhà, ghi:

Nợ TK229: Dự phòng tổn thất tài sản (2294).

Có TK 411: Vốn đầu tư của chủ sở hữu.

1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.5.1. Hình thức kế toán nhật ký chung.

1.5.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung.

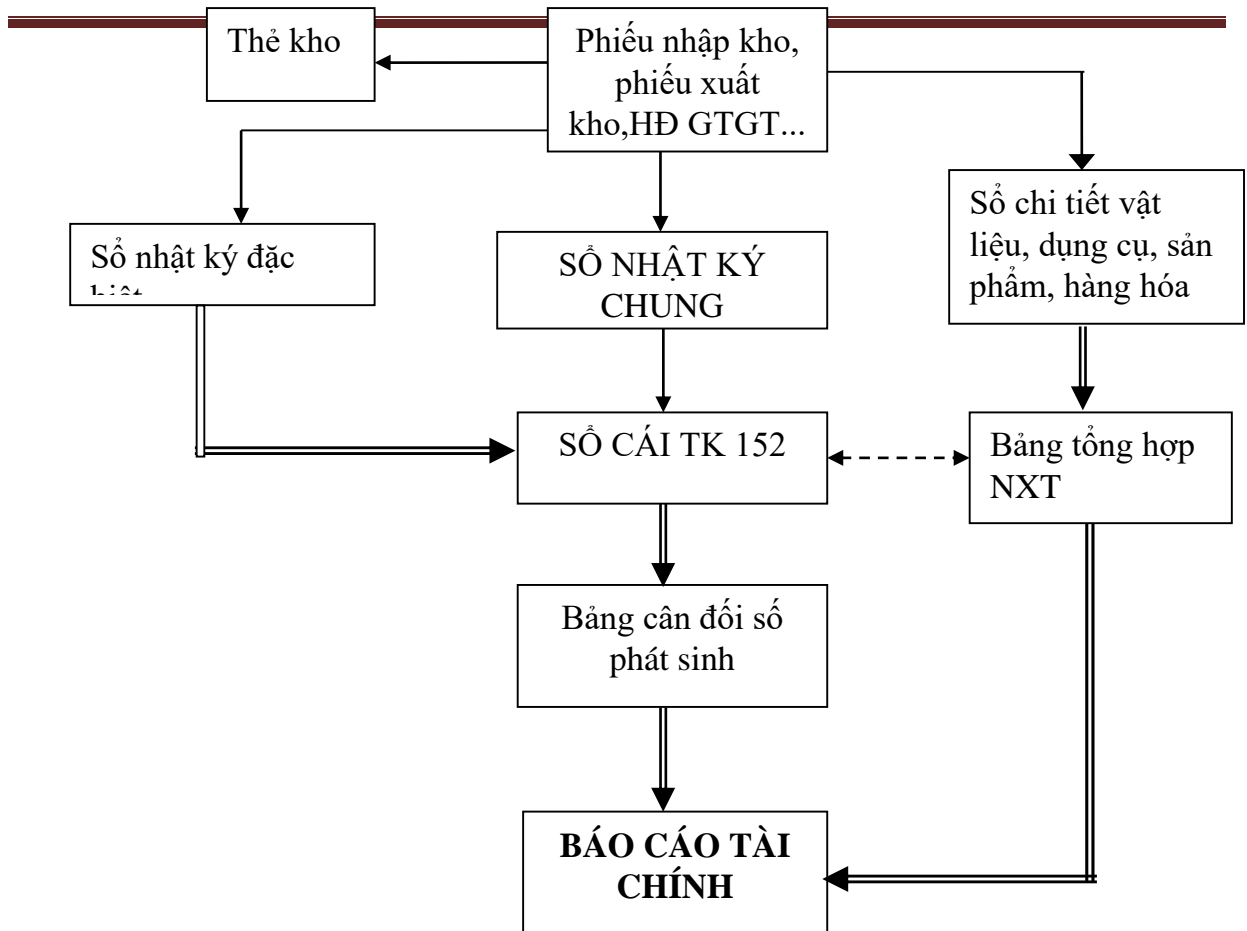
Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của các nghiệp vụ. sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sau:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt.
- Sổ cái.
- Sổ cái các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.5.1.2. Trình tự sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

a) Hằng ngày căn cứ vào chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi chép trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

b) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.



Ghi chú:

Ghi cuối ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.6. trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

1.5.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.

1.5.2.1 Đặc cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.5.2.2 Trình tự sổ kế toán theo Nhật ký - Sổ cái.

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái. Số liệu của mỗi chứng từ được ghi trên cùng một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và Sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập...) phát sinh nhiều lần trong cùng một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày. Chứng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi ghi sổ Nhật ký - Sổ cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Nhật ký - Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột phát sinh ở phần nhật ký và các cột nợ, cột có của từng tài khoản ở phần sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ cái.

Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong sổ Nhật ký - Sổ cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền ở cột} \\ \text{“SPS” ở phần nhật ký} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng SPS Nợ của} \\ \text{tất cả các tài khoản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng SPS Có của tất} \\ \text{cả các tài khoản} \end{array}$$

$$\text{Tổng số dư Nợ các tài khoản} = \text{Tổng số dư Có các tài khoản}$$

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ cộng số phát sinh nợ, số phát sinh có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập bảng tổng hợp chi tiết cho từng tài khoản. Số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết được đối chiếu với số phát sinh nợ, số phát sinh có và số dư cuối tháng của từng tài khoản trên sổ Nhật ký - Sổ cái. Số liệu trên Nhật ký - Sổ cái và trên bảng tổng hợp chi tiết sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

Ghi chú:

Ghi cuối ngày:

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:

**Sơ đồ 1.7. trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký -
Sổ cái.**

1.5.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

1.5.3.1. Đặc cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau.

- Chứng từ ghi sổ.

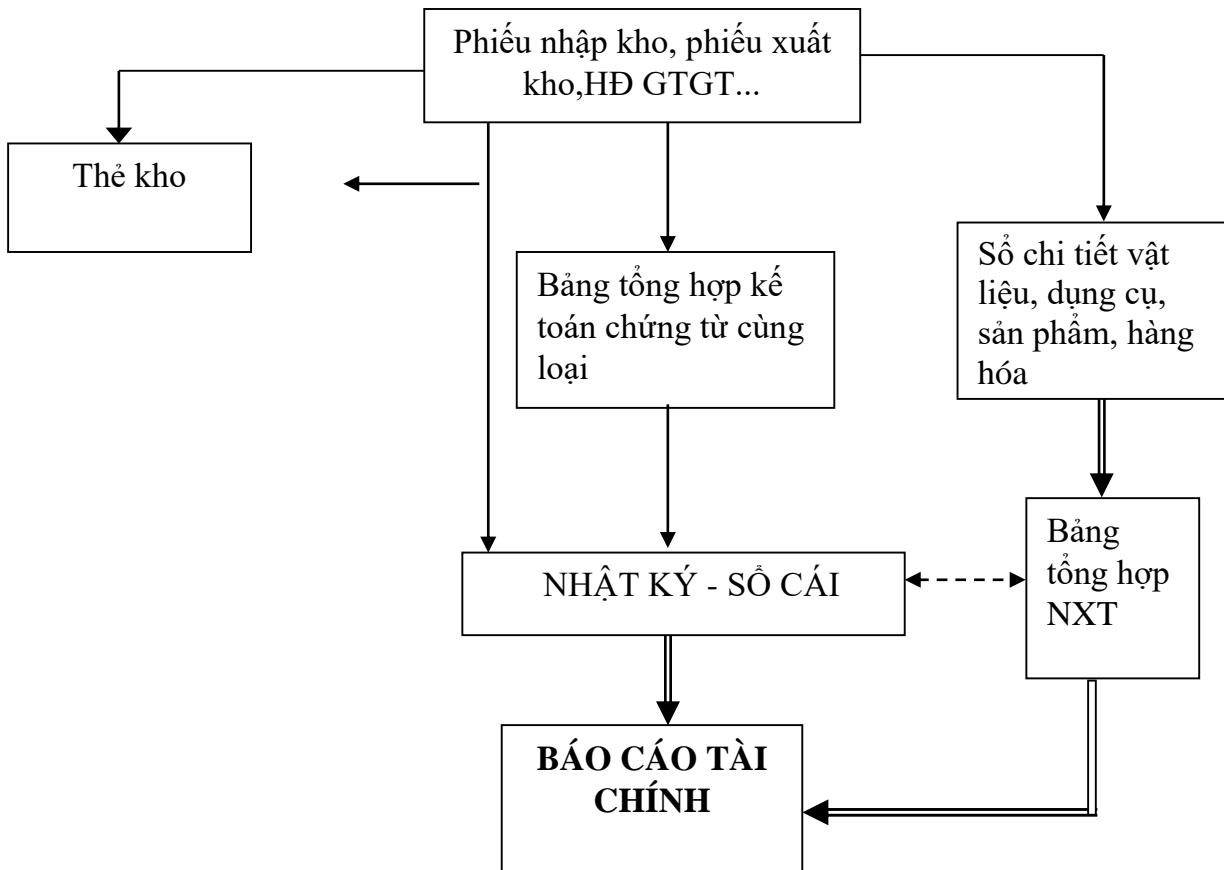
-
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
 - Sổ cái.
 - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.5.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số dư có của các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh bằng nhau và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.



Ghi chú:

- Ghi cuối ngày: →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: →
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ↔

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.

1.5.2.1 Đặc cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:

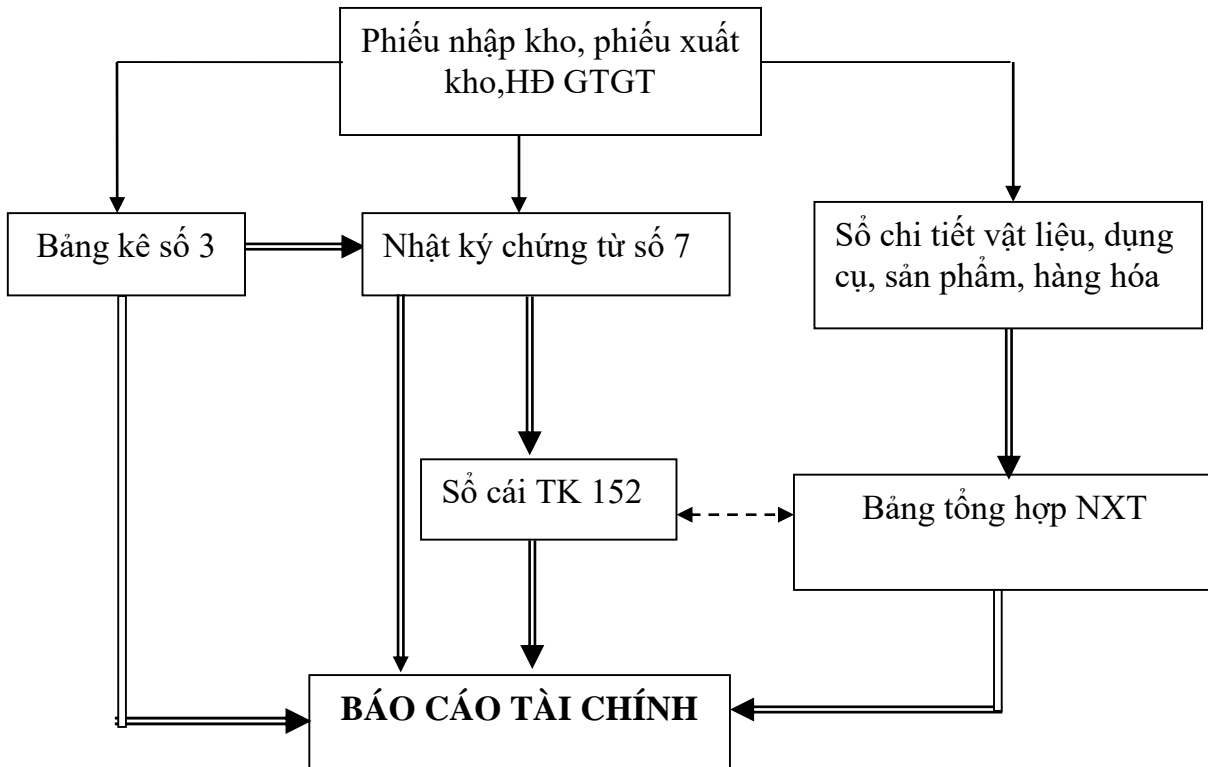
- Nhật ký- chứng từ.
- Bảng kê.
- Sổ cái.
- Sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.5.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.

- Hằng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các nhật ký- chứng từ từ Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

- Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào sổ liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

- Cuối tháng khóa sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào sổ cái. Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ cái. Số liệu tổng cộng ở sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ. Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.



Ghi chú:

Ghi cuối ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.

1.5.2. Hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.5.2.1. Đặc cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính.

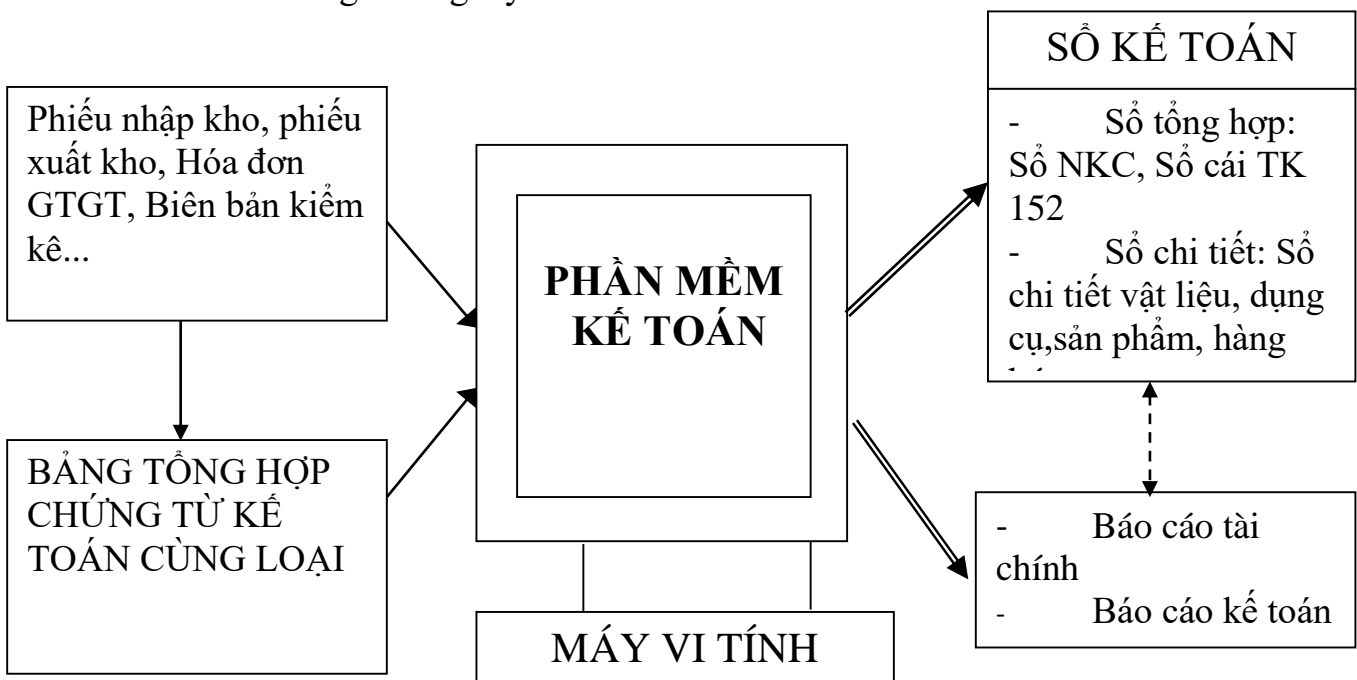
Công việc của kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây.

Phần mềm kế toán không thể hiện đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

1.5.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.

- Hằng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động cập nhật vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ nhật ký chung, hay chứng từ ghi sổ...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (Cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa các số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn được đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được cập nhật trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Thực hiện các thao tác tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và được thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày: →

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: ==>

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: <- - - - ->

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 234

2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234

2.1.1 Sự hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.

Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234 được cổ phần từ doanh nghiệp Nhà nước: Công ty Xây dựng 234 theo quyết định 69/QĐ-BXD ngày 12/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, hiện nay vốn Nhà nước tại Công ty chiếm 51% vốn điều lệ do Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng quản lý phần vốn nhà nước.

Tiền thân của Công ty Xây dựng 234 là xí nghiệp Mộc và xây dựng trực thuộc Công ty Xây dựng 6 (Nay là Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng) ra đời năm 1980.

Ngày 5 tháng 7 năm 1993, Giám đốc Công ty Xây dựng số 16 đã ra quyết định số 55 về hợp nhất 2 đơn vị xí nghiệp Mộc và Đội xây dựng số 205 thành một xí nghiệp lấy tên là Xí nghiệp Xây dựng và trang trí nội thất.

Năm 1998, Bộ xây dựng quyết định đổi tên Xí nghiệp xây dựng và trang trí nội thất thành Công ty xây dựng 234 theo QĐ số 85/BXD-TCLĐ của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Trụ sở của Công ty đặt tại số 2B – đường Trường Chinh – quận Kiến An – TP Hải Phòng.

Điện thoại: 031.3876149 – 3878073

Mã số thuế: 0200742545

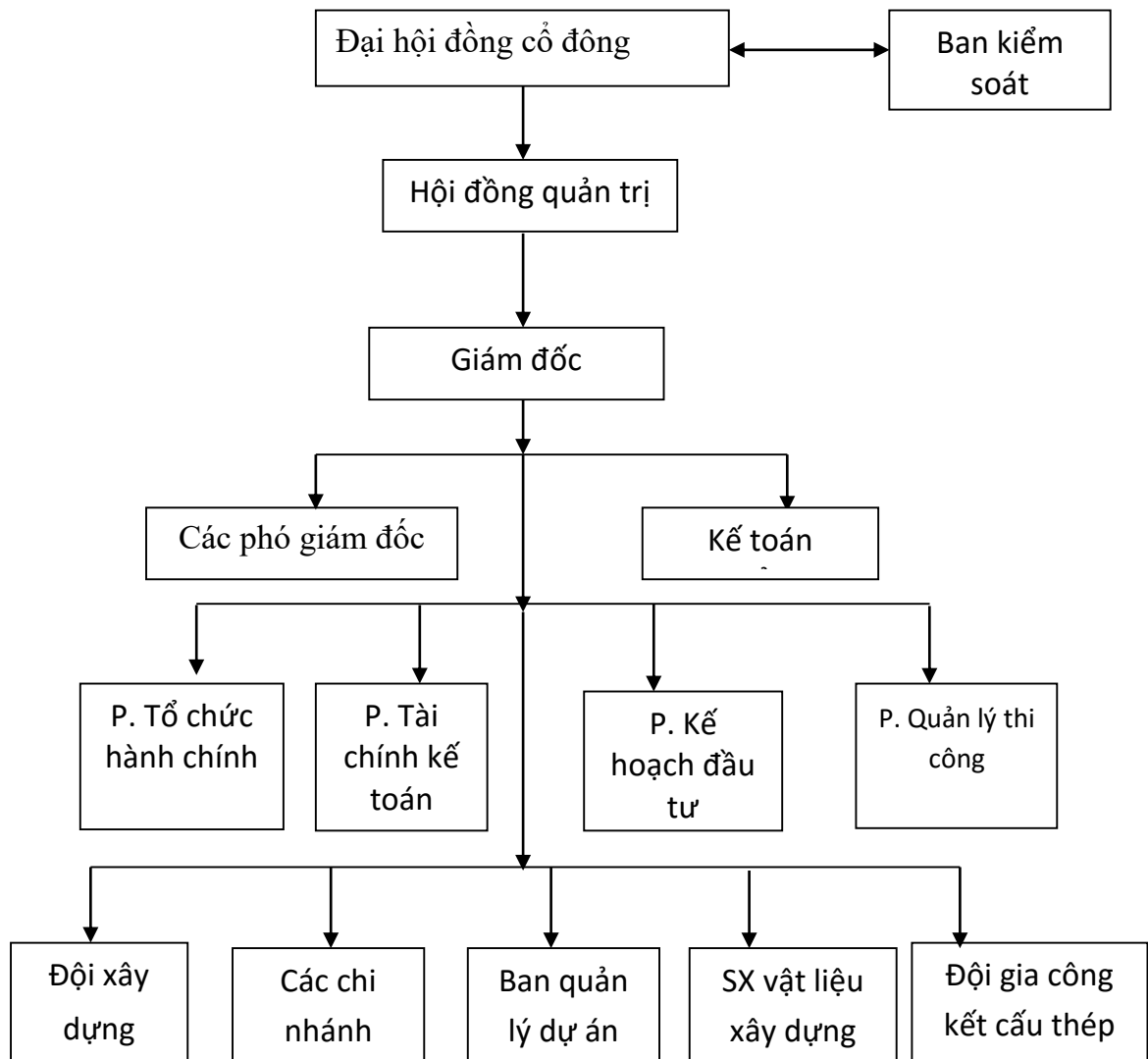
2.1.2. Lĩnh vực sản xuất của Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.

Công ty CP xây dựng Bạch Đằng 234 là đơn vị sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng. Ngành nghề chính của công ty là:

- Thi công xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.
- Trang trí nội, ngoại thất.
- Sản xuất kinh doanh các hàng hóa sản phẩm về mộc, vật liệu xây dựng.
- Xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông (đường, bến cảng).
- Xây dựng đường dây, trạm biến thế điện.
- Sửa chữa cơ khí.

2.1.3. Bộ máy tổ chức quản lý tại Công ty CP xây dựng Bạch Đằng 234.

Bộ máy quản lý của công ty được chia thành các phòng chức năng bố trí theo sơ đồ hỗn hợp trực tuyến.



Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty CP xây dựng Bạch Đằng 234

• Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty là cơ quan cao nhất của Công ty giữa hai kỳ đại hội đồng cổ đông quyết định phương án sản xuất kinh doanh, phương án tổ chức bộ máy công ty, cơ chế quản lý của Công ty để thực hiện nghị quyết của đại hội đồng cổ đông công ty.

• Ban kiểm soát là người đại diện cho cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và điều hành Công ty.

• Công ty được điều hành bởi Giám đốc và các Phó giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và các phòng ban giúp việc theo phương án tổ chức được Hội đồng quản trị phê duyệt.

- Giám đốc: điều hành chính toàn bộ các mặt hoạt động của toàn công ty, trực tiếp phụ trách công tác tài chính kế toán và tổ chức của công ty.

- Phó giám đốc: 2 người (1 Phó giám đốc phụ trách quản lý kỹ thuật thi công; 1 Phó giám đốc phụ trách dự án và kinh doanh)

- Phòng kế hoạch đầu tư: 5 người

- Phòng tài chính kế toán: 7 người

- Phòng tổ chức hành chính: 4 người

- Phòng quản lý thi công: 5 người

- Các đội sản xuất, trạm bê tông TP: Tùy thuộc thực tế

- Các ban quản lý dự án: Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.

Mô hình kế toán của Công ty CP Xây dựng Bạch Đằng 234 là mô hình kế toán tập trung. Phòng tài chính kế toán thực hiện nội dung công tác kế toán từ việc thu thập, ghi chép, xử lý và luân chuyển chứng từ đến việc tổng hợp, lập báo cáo tài chính, phân tích kinh tế và hướng dẫn kiểm tra kế toán, thông báo các số liệu cần thiết cho Ban giám đốc công ty. Nhiệm vụ của phòng Tài chính kế toán được thể hiện rõ trong quy chế hoạt động của công ty theo đúng quy định của Nhà nước. Cụ thể:

- Thực hiện chế độ báo cáo kế toán theo quy định.

- Tổ chức các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ở các đội, các phòng, các khâu công tác nhằm lập đầy đủ, chính xác, kịp thời các chứng từ trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức luân chuyển chứng từ một cách khoa học, hợp lý.

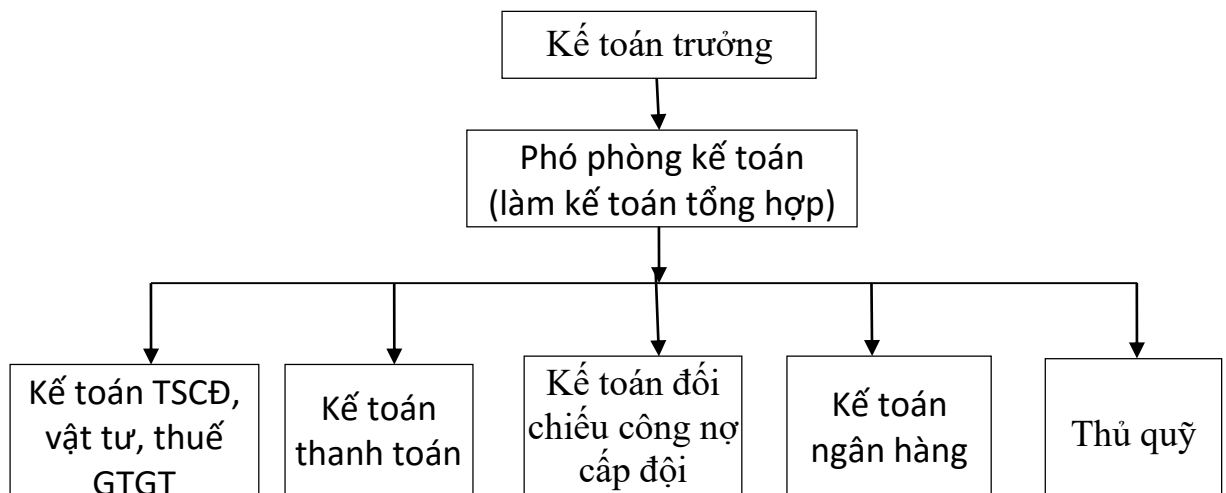
- Vận dụng đúng hệ thống tài khoản kế toán thống nhất.

- Lựa chọn hình thức tổ chức công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán thích hợp với các đặc điểm, tính chất, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cũng như phù hợp với khả năng, trình độ của đội ngũ nhân viên kế toán hiện có.

- Có kế hoạch trang bị và sử dụng các phương tiện kỹ thuật, tính toán nhằm cung cấp thông tin kinh tế kịp thời, chính xác phục vụ cho các công tác lãnh đạo và quản lý sản xuất kinh doanh của công ty.

- Thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, nhân viên trong phòng.

- Tổ chức việc kiểm tra kế toán trong nội bộ công ty.



Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán Công ty CP xây dựng Bạch Đằng 234.

Trong phòng Tài chính- Kế toán, mỗi cán bộ kế toán phụ trách theo dõi một vài TK có liên quan tới phần hành của mình. Cuối tháng kế toán tổng hợp tập hợp chi phí tính giá thành sản xuất của từng công trình xây dựng, hoạt động kinh doanh, xác định doanh thu...

- Kế toán trưởng: là người chịu trách nhiệm phụ trách chung, thực hiện tổ chức toàn bộ công tác kế toán trong công ty, theo dõi chế độ hiện hành, tiến hành phân tích kinh tế, tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh. Kế toán trưởng là người trực tiếp báo cáo định kỳ các thông tin về tình hình tài chính kế toán của công ty lên giám đốc, chịu trách nhiệm trước công ty, cơ quan pháp luật về mọi thông tin của số liệu đã báo cáo.

- Phó phòng kế toán: (Kế toán tổng hợp) tổng hợp toàn bộ các phần hành kế toán khác nhau để hoàn thiện công tác kế toán đồng thời kiểm tra việc ghi chép ban đầu, việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê định kỳ, lập báo cáo tài chính, tổ chức bảo quản hồ sơ tài liệu kế toán.

- Kế toán ngân hàng: thực hiện việc ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Công ty, đối chiếu việc trích TGNH thông qua việc khớp đúng giữa hóa đơn chứng từ và sổ phụ của ngân hàng.

-
- Kế toán thanh toán: theo dõi các khoản phải thu, phải trả của khách hàng.
 - Kế toán đối chiếu công nợ cấp đội: do công ty sản xuất kinh doanh lĩnh vực xây dựng cho nên công ty có kế toán đối chiếu công nợ cấp đội riêng với nhiệm vụ theo dõi công nợ của từng đội xây dựng.
 - Kế toán TSCĐ, vật tư, thuế GTGT: theo dõi tình hình tăng giảm tài sản cố định, tính và phân bổ khấu hao TSCĐ trong doanh nghiệp; thực hiện ghi chép, phản ánh, tổng hợp số liệu về tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu, tính trị giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho, đồng thời theo dõi tình hình xuất dùng và phân bổ công cụ dụng cụ trong kỳ và theo dõi tình hình các khoản thuế phải nộp, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.
 - Thủ quỹ: có trách nhiệm thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến thu chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt kiêm báo cáo quỹ.

2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán tại công ty

- Niên độ kế toán bắt đầu từ 1/1/N và kết thúc vào 31/12/N năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: đồng.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Hình thức ghi sổ Nhật ký chung.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ đang sử dụng: phương pháp khấu hao đường thẳng.
- Công ty tính và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Tính giá trị hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

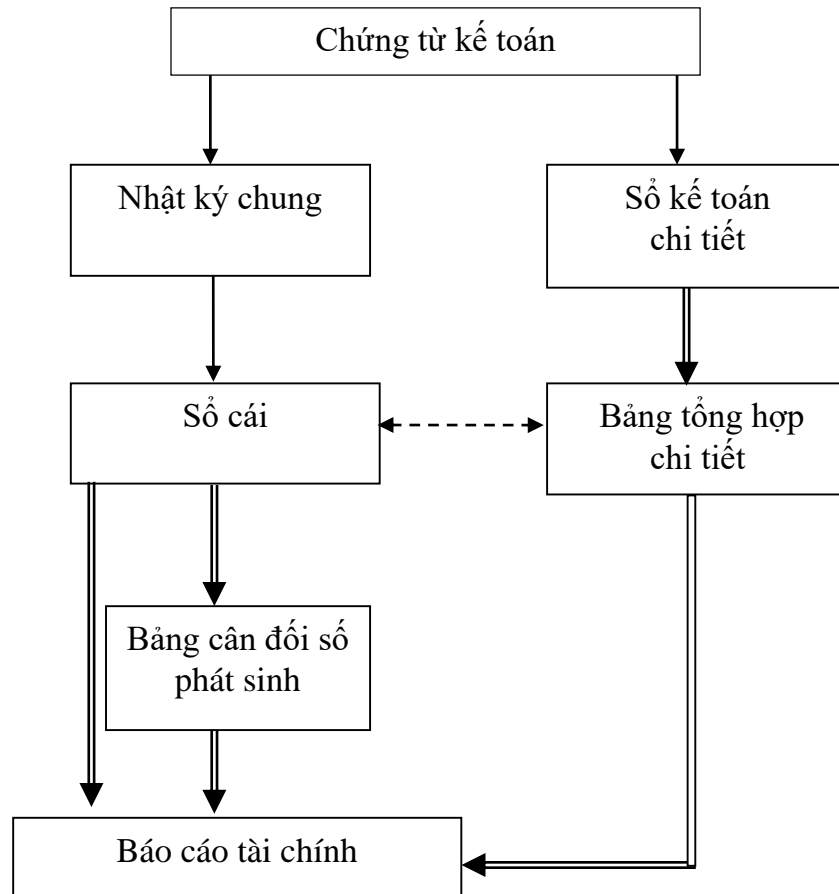
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán áp dụng tại công ty.

Công ty CP xây dựng Bạch Đằng 234 tổ chức thực hiện và vận dụng thống nhất hệ thống TK và sổ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ngoài ra, công ty còn mở thêm các TK chi tiết cấp 2 cho phù hợp với yêu cầu của việc quản lý.

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại công ty.

Công ty áp dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung, sử dụng các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái
- Các loại sổ và thẻ kế toán chi tiết



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Kiểm tra, đối chiếu: \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán tại đơn vị theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Trình tự kế toán ghi sổ theo hình thức nhật ký chung.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra dùng đó làm căn cứ ghi sổ: trước hết ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ nhật ký chung; đồng thời từ chứng từ gốc kế toán ghi vào các sổ chi tiết tài khoản; sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết. Kế toán đối chiếu trên bảng tổng hợp chi tiết với số liệu trên sổ cái để kiểm tra sự chính xác của số liệu, sau dựa vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng với số liệu đã ghi, kế toán căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.

Hệ thống báo cáo tài chính cả công ty áp dụng theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của bộ trưởng bộ tài chính

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01- DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02- DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03- DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09- DN)

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.

2.2.1. Đặc điểm tổ chức quản lý nguyên vật liệu tại Công ty Hanvico. 2.2.1.1.

2.2.1.1. Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu tại Công ty.

Để tiến hành thi công xây dựng nhiều công trình khác nhau đáp ứng nhu cầu thị trường công ty phải sử dụng một khối lượng nguyên vật liệu rất lớn bao gồm nhiều thứ, nhiều loại khác nhau, mỗi loại vật liệu có vai trò, tính năng lý hóa riêng. Muốn quản lý tốt và hạch toán chính xác vật liệu thì phải tiến hành phân loại vật liệu một cách khoa học và hợp lý.

Nguyên vật liệu phục vụ sản xuất sản phẩm tại Công ty được chia thành 04 nhóm cơ bản, gồm có:

- Nguyên liệu chính: gồm các loại thép hình, thép tấm, thép cuộn, ...
- Nguyên vật liệu phụ: gồm các loại bulông, đai ốc, mặt bích, cao su, ...
- Vật liệu hàn : gồm các loại dây hàn, que hàn, thuốc hàn, ...
- Nguyên vật liệu sơn: gồm các loại sơn chống gỉ, sơn phủ, ...
- Vật liệu điện.

2.2.1.2. Tính giá nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234

➤ Giá nguyên vật liệu nhập kho

Công ty tính giá nguyên vật liệu nhập kho theo giá thực tế. Các loại nguyên vật liệu sử dụng sản xuất tại công ty hầu hết là các nguyên vật liệu mua ngoài.

Giá thực tế NVL nhập kho	=	Giá mua ghi trên hóa đơn	+	Chi phí thu mua thực tế	-	CKTM, giảm giá hàng mua
---------------------------------	----------	---------------------------------	----------	--------------------------------	----------	--------------------------------

Trong đó:

Giá ghi trên hóa đơn là của người bán: là giá chưa có thuế GTGT.

Chi phí thực tế gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ,... được cộng vào giá trị thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.

Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu.

Khi nguyên vật liệu về đến công ty, cán bộ kỹ thuật sẽ kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hóa đơn và tiến hành kiểm tra về mặt số lượng, chất lượng nguyên vật liệu nhập kho. Phiếu nhập kho được lập khi có đủ chữ ký của các bên liên quan. Phiếu nhập kho của Công ty được lập thành 03 liên:

Liên 1: Lưu tại cuống

Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho.

Liên 3: Chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ

➤ Tính giá nguyên vật liệu xuất kho

Hiện tại công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234 đang áp dụng phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn để tính giá nguyên vật liệu xuất kho. Nguyên vật liệu xuất kho được tính như sau:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } j = \frac{\text{Trị giá VT tồn trước lần nhập } j + \text{Trị giá VT lần nhập } j}{\text{Số lượng VT tồn trước lần nhập } j + \text{Số lượng VT lần nhập } j}$$

Trị giá vật liệu xuất dùng = Đơn giá bình quân * số lượng vật liệu xuất kho.

Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu tại công ty được dùng chủ yếu cho thi công các công trình. Khi đội trưởng các công trình có nhu cầu về nguyên vật liệu sẽ lập phiếu yêu cầu cấp vật tư, thông qua phòng quản lý thi công nếu hợp lý thì chuyển lên cho giám đốc duyệt. Sau đó chuyển xuống cho thủ kho phiếu yêu cầu xin cấp vật tư đã được ký duyệt, thủ kho căn cứ vào đó viết phiếu xuất kho và tiến hành xuất kho nguyên vật liệu.

Phiếu xuất kho được chia làm 3 liên:

Liên 1: Lưu tại cuống.

Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho

Liên 3: Chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ

Ví dụ: Tình hình nhập, xuất kho thép thanh vằn d12 tháng 3/2015 như sau:

Tồn đầu kỳ (1/3): 980 kg, đơn giá 12.000 đồng/kg

Trị giá tồn kho đầu kỳ = $980 \times 12.000 = 11.760.000$ đồng

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ

Ngày 4/3 : nhập kho 4.800 kg đơn giá 12.150 đồng/kg.

Trị giá nhập kho ngày 04/03 = $4.800 \times 12.150 = 58.320.000$ đồng

Ngày 06/3 xuất kho 3.200 kg cho công trình Vĩnh Tân

Đơn giá bình quân thép	11.760.000	+	58.320.000
thanh vằn d12 xuất ngày	<hr/>		
6/3	980	+	4.800
	= 12.125 đồng/ kg		

Trị giá 3.200kg thép thanh vằn d12 xuất kho = $3.200 \times 12.125 = 38.800.000$ đồng.

Trị giá tồn sau lần xuất 06/03 = $11.760.000 + 58.320.000 - 38.800.000$
= 31.280.000 đồng.

Ngày 10/3 nhập kho 2.900kg thép thanh vằn d12, đơn giá 12.450 đồng/viên.

Trị giá nhập kho ngày 10/03 = $2.900 \times 12.450 = 36.105.000$ đồng.

Ngày 15/3 xuất 4.000kg thép thanh vằn d12 cho công trình cầu Vĩnh Niệm.

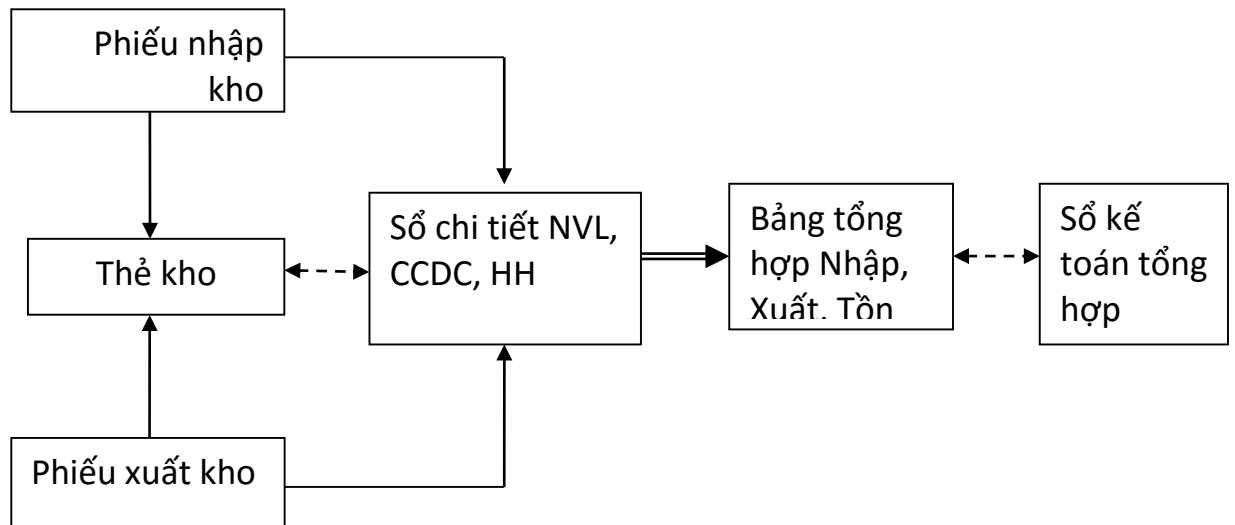
Đơn giá bình quân	31.280.000	+	36.105.000
thép thanh vằn d12	<hr/>		
xuất ngày 15/3	(980 + 4.800 - 3.200)	+	2.900
	= 12.297 đồng/kg		

Trị giá 4.000kg thép thanh vằn d12 xuất kho = $4.000 \times 12.297 = 49.188.000$ đồng.

2.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty.

Do nguyên vật liệu của công ty chiếm một tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên đòi hỏi phải phản ánh theo dõi chặt chẽ tình hình nhập-xuất-tồn của từng loại nguyên vật liệu cả về mặt số lượng và giá trị. Vật liệu ở công ty rất đa dạng, các nghiệp vụ nhập, xuất diễn ra thường xuyên hàng ngày, do đó nhiệm vụ của kế toán chi tiết nguyên vật liệu là vô cùng quan trọng và không thể thiếu được.

Tổ chức kế toán nguyên vật liệu và công tác kiểm tra tình hình cung cấp, sử dụng vật liệu, công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234 đã lựa chọn phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu.



Ghi chú:

Ghi cuối ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song tại công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234

- **Tại kho:** thủ kho dựa vào phiếu nhập, xuất và các chứng từ khác để mở thẻ kho và ghi theo số lượng. Mỗi loại nguyên vật liệu được theo dõi ở một thẻ kho riêng để tiện trong việc ghi chép, kiểm tra. Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất vật liệu thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhập, thực xuất vào chứng từ thẻ kho, cuối ngày tính ra số tồn kho ghi vào thẻ kho. Định kỳ 3-5 ngày thủ kho gửi các chứng từ nhập, xuất được phân loại theo từng thứ vật liệu cho phòng kế toán kiểm tra, kế toán ký xác nhận vào thẻ kho.

❖ **Tại phòng kế toán:** Kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết vật liệu ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn kho của từng loại vật liệu cả về mặt hiện vật và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi nhận các chứng từ nhập, xuất kho vật liệu do thủ kho chuyển lên, kế toán kiểm tra và ghi vào sổ chi tiết hàng hóa vật tư theo từng loại mặt hàng về số lượng, giá trị.

❖ Cuối kỳ kế toán tiến hành cộng sổ và tính ra số tồn kho cho từng loại vật liệu, đồng thời tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết vật liệu với thẻ

kho tương ứng. Căn cứ vào các sổ chi tiết vật liệu kế toán lấy số liệu để ghi vào bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn vật liệu. Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và chi tiết, kế toán phải căn cứ vào sổ kế toán chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho của từng loại vật liệu. Số liệu của bảng này được đối chiếu với số liệu của phần kế toán tổng hợp.

Ví dụ 1:

- Ngày 04/03/2015 công ty mua thép thanh vằn d12 của công ty TNHH Thương mại Nguyên Phát .

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000375 (Biểu số 2.1) và phiếu nhập số 47 (Biểu số 2.2), thủ kho ghi vào thẻ kho (Biểu số 2.5), kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu – thép thanh vằn d12 (Biểu số 2.6).

- Ngày 06/03/2015, xuất kho 3.200 kg cho công trình Vĩnh Tân theo giấy đề nghị cấp vật tư (Biểu số 2.3) từ đội trưởng chuyên lên đã được phê duyệt.

- Thủ kho viết phiếu xuất kho số 40 (Biểu số 2.4). Căn cứ vào phiếu xuất kho 40 (Biểu số 2.4) thủ kho vào thẻ kho (Biểu số 2.5), kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu – thép thanh vằn d12 (Biểu số 2.6)

- Cuối tháng, từ các sổ chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết vật liệu dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Biểu số 2.11)

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: (Giao khách hàng)

Ngày 04 tháng 03 năm 2015

Mẫu số: 01GTKT3/001

Kí hiệu: AA/15P

Số: 0000375

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGUYỄN PHÁT**

Mã số thuế: 0312504997

Địa chỉ: 116/1/ đường Tây Sơn, phường Tân Phú, quận Tân phú, TP Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.3847 3749/ Fax: 08. 3847 2947.

Số tài khoản: 35961809

Họ tên người mua hàng: Trần Văn Vũ.

Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234**

Mã số thuế: 0200742545

Địa chỉ: 2B Trường Chinh, Phường Lãm Hà, quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản: 160314851016956

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1)	Thép thanh vằn d12	kg	4.800	12.150	58.320.000

Cộng tiền hàng :		58.320.000
Thuế suất GTG : 10 %	Tiền thuế GTGT:	5.832.000

Tổng cộng thanh toán: 64.152.000

Số tiền viết bằng chữ: Sáu mươi bốn triệu, một trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng (kí, ghi rõ họ tên)	Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên) (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)	Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
--	--	---

Biểu mẫu số 2.1: Hóa đơn GTGT

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
BẠCH ĐĂNG 234
Địa chỉ: 2B Trường Chinh, Phường Lãm Hà,
quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số 01-VT

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 04 tháng 03 năm 2015

Số: 47

Nợ:152

Có:331

Họ và tên người giao: Công ty TNHH Thương mại Nguyên Phát
Theo HĐGTGT số 0000375 ngày 04 tháng 03 năm 2015
Nhập tại kho: : vật liệu xây dựng

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép thanh vằn d12		kg	4.800	4.800	12.150	58.320.000
	Cộng			4.800	4.800		58.320.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Năm mươi tám triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.

- Chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 04 tháng 03 năm 2015

Người lập phiếu Người giao hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc

Biểu mẫu số 2.2 (Trích phiếu nhập kho)

Công ty: CPXD Bạch Đằng 234
Địa chỉ: 2B Trường Chinh,
Phường Lãm Hà, quận Kiến An,
Thành phố Hải Phòng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 06 tháng 03 năm 2015

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ

Họ và tên: Nguyễn Văn Cường

Đơn vị: Đội 3

Lý do sử dụng: Phục vụ cho công trình Vĩnh Tân

TT	Tên Vật Tư	Đơn vị Tính	Số Lượng	Ghi Chú
1	Thép thanh vằn d12	kg	3.200	

Phê duyệt
(Ghi rõ Họ và tên)

Người đề nghị
(Ghi rõ Họ và tên)

Biểu mẫu số 2.3 Giấy đề nghị cấp vật tư.

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
BẠCH ĐĂNG 234
Địa chỉ: : 2B Trường Chinh, Phường Lãm Hà,
quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo thông tư
200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 06 tháng 03 năm 2015

Số: 40

Nợ: 621

Có: 152

Họ và tên người nhận: Nguyễn Văn Cường

Lý do xuất kho: phục vụ xây dựng công trình Vĩnh Tân

Xuất tại kho: Vật liệu xây dựng

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép thanh vằn d12		kg	3.200	3.200	12.125	38.800.000
	Cộng			3.200	3.200		38.800.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn.
- Chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 06 tháng 03 năm 2015

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu mẫu số 2.4 Phiếu xuất kho

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 234

Địa chỉ: 2B Trường Chinh, Phường Lãm Hà,
quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S12 – DN
(Ban hành theo thông tư
200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ trưởng
BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/01/2015

Tên vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Thép thanh vằn d12

Chứng từ		Diễn giải	Số lượng		
Số hiệu	Ngày tháng		Nhập	Xuất	Tồn
		Số dư đầu tháng 3			<u>980</u>
		Số phát sinh			
PN 47	04/03/2015	Mua thép thanh vằn d12	4.800		
P X40	06/03/2015	Xuất cho công trình Vĩnh Tân		3.200	
PN 50	10/03/2015	Mua thép thanh vằn d12	2.900		
PX 49	15/03/2015	Xuất cho công trình Thoát nước Trại Lê		30.250	
PX 62	20/03/2015	Xuất cho công trình cầu Vĩnh Niệm		4.000	
....
		Cộng cuối tháng 12	24.000	24.280	
		Số dư cuối kỳ			<u>700</u>

Ngày 31 tháng 03 năm 2015.

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu mẫu số 2.5 Thẻ kho

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 234

Địa chỉ: 2B Trường Chinh, Phường Lâm Hà,
quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng.

Mẫu số S10 – DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tài khoản: 152

**Tên vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Thép thanh vằn d12
Năm 2015**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	Số hiệu	Ngày tháng				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
			Số dư đầu kỳ		<u>12.000</u>					<u>980</u>	<u>11.760.000</u>
			Số phát sinh								
04/03/2015	PN47	04/03/2015	Mua thép thanh vằn d12	331	12.150	4.800	58.320.000			5.780	70.080.000
06/03/2015	PX40	06/3/2015	Xuất cho công trình Vĩnh Tân	621	12.125			3.200	38.800.000	2.580	31.280.000
10/03/2015	PN50	10/03/2015	Mua thép thanh vằn d12	331	12.450	2.900	36.105.000			5.480	67.385.000
15/03/2015	PX49	15/03/2015	Xuất cho công trình Thoát nước Trại Lẻ	621	12.297			4.000	49.188.000	1.480	18.197.000

			Cộng cuối tháng 12			24.000	291.840.000	24.280	301.072.000		
			Số dư cuối kỳ							<u>700</u>	<u>8.715.000</u>

Biểu mẫu số 2.6 Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm hàng hóa)

Ví dụ 2:

- Ngày 02 tháng 03 năm 2015 Công ty mua xi măng PCB 40 của công ty xi măng VICEM Hải Phòng.

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000315 (Biểu số 2.7) và phiếu nhập kho số 45 (Biểu số 2.8), thủ kho vào thẻ kho (Biểu số 2.11), kế toán vào sổ chi tiết vật liệu (Biểu số 2.12).

- Ngày 16 tháng 03 năm 2015, tại phòng kế toán theo giấy đề nghị cấp vật tư (Biểu số 2.9) từ đội trưởng công trình Vĩnh Tân đã được phê duyệt

- Thủ kho viết phiếu xuất kho 50 (Biểu số 2.10). Căn cứ vào phiếu xuất kho 50 (Biểu số 2.10) thủ kho vào thẻ kho (Biểu số 2.11), kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu-xi măng PCB 40 (Biểu số 2.12).

- Cuối tháng từ các sổ chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Biểu số 2.13)

HÓA ĐƠN**GIÁ TRỊ GIA TĂNG****Liên 2: (Giao khách hàng)***Này 02 tháng 03 năm 2015*

Mẫu số: 01GTKT3/001

Kí hiệu: AA/15P

Số: 0000315

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG**

Mã số thuế: 0200155219

Địa chỉ: Trảng Kênh, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Số tài khoản: 2125201001670

Họ tên người mua hàng: Trần Văn Vũ

~~Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 234~~

Mã số thuế: 0201003794

Địa chỉ: 2B Trường Chinh, Phường Lãm Hà, quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản: 160314851016956

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1)	Xi măng PCB 40	TẤN	20	1.209.090	24.181.800

Cộng tiền hàng: 24.181.800

Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT: 2.418.180

Tổng cộng thanh toán: 26.599.980

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm tám mươi đồng.

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(kí, ghi rõ họ tên)	(kí, ghi rõ họ tên)	(kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Biểu mẫu số 2.7: Hóa đơn GTGT đầu vào

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
BẠCH ĐĂNG 234
Địa chỉ: 2B Trường Chinh, Phường Lãm Hà,
quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số 01-VT
(Ban hành theo thông tư
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 02 tháng 03 năm 2015

Số: 45

Nợ:152

Có:112

Họ và tên người giao: Trần Văn Vũ

Theo HĐGTGT số 0001898 ngày 02 tháng 03 năm 2015 của **CÔNG TY
XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG**

Nhập tại kho: : vật liệu xây dựng

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xi măng PCB 40		TẤN	20	20	1.209.090	24.181.800
	Cộng			20	20		24.181.800

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi bốn triệu, một trăm tám mươi một nghìn, tám trăm đồng.

Chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 02 tháng 03 năm 2015

Người lập phiếu Người giao hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc

Biểu mẫu số 2.8 (Trích phiếu nhập kho)

Công ty: CPXD Bạch Đằng 234
Địa chỉ: 2B Trường Chinh,
Phường Lãm Hà, quận Kiến An,
Thành phố Hải Phòng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 03 năm 2015

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ

Họ và tên: Nguyễn Văn Cường

Đơn vị: Đội 3

Lý do sử dụng: Phục vụ cho công trình Vĩnh Tân

TT	Tên Vật Tư	Đơn vị Tính	Số Lượng	Ghi Chú
1	Xi măng PCB 40	TẤN	45	

Phê duyệt
(Ghi rõ Họ và tên)

Người đề nghị
(Ghi rõ Họ và tên)

Biểu mẫu số 2.9 Giấy đề nghị cấp vật tư.

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
BẠCH ĐĂNG 234

Địa chỉ: : 2B Trường Chinh, Phường Lãm Hà,
quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số 02-VT

(Ban hành theo theo thông tư
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 16 tháng 03 năm 2015

Số: 50

Nợ: 621

Có: 152

Họ và tên người nhận: Nguyễn Văn Cường

Lý do xuất kho: phục vụ xây dựng công trình Vĩnh Tân

Xuất tại kho: vật liệu xây dựng

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xi măng PCB 40		Tấn	45	45	1.209.120	54.410.400
	Cộng			45	45		54.410.400

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Năm mươi bốn triệu, bốn trăm mười nghìn, bốn trăm đồng.
- Chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 16 tháng 03 năm 2015

Người lập phiếu

Người nhận

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

hàng

Biểu mẫu số 2.10 Phiếu xuất kho

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐẰN

Địa chỉ: 2B Trường Chinh, Phường Lãm Hà,
quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S12 – DN

(Ban hành theo thông tư
200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ trưởng
BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/01/2015

Tên vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Xi măng PCB 40

Chứng từ		Diễn giải	Số lượng		
Số hiệu	Ngày tháng		Nhập	Xuất	Tồn
		Số dư đầu tháng 3			<u>9</u>
		Số phát sinh			
PN 45	02/03/2015	Mua xi măng PCB 40	20		29
PN 46	04/03/2015	Mua xi măng PCB 40	15		44
PN 52	11/03/2015	Mua xi măng PCB 40	6		50
...
PX 50	16/03/2015	Xuất cho công trình Vĩnh Tân		45	10
PX 52	18/03/2015	Xuất cho công trình Thoát nước Trại Lê		6	4
....
		Cộng cuối tháng 12		258	256
		Số dư cuối kỳ			<u>11</u>

Ngày 31 tháng 03 năm 2015.

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu mẫu số 2.11 Thẻ kho

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234
 Đ/C: 2B Trường Chinh, Phường Lâm Hà,
 quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S10-DN
 (Ban hành theo thông tư
 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tài khoản: 152

Tên vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Xi măng PCB 40

Tháng 03 năm 2015

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	Số hiệu	Ngày tháng				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
			Số dư đầu tháng 12		1.200.345					9	10.803.105
			Số phát sinh								
02/03/2015	PN 45	02/03/2015	Nhập kho thanh toán bằng TGNH	112	1.209.090	20	24.181.800			29	34.984.905
04/03/2015	PN 46	04/03/2015	Mua xi măng PCB 40 chưa thanh toán	331	1.209.300	15	18.139.500			44	53.124.405
11/03/2015	PN 52	11/03/2015	Nhập kho thanh toán tiền mặt	111	1.205.326	6	7.231.956			50	60.356.361
.....
16/03/2015	PX 50	16/03/2015	Xuất cho công trình Vĩnh Tân	621	1.209.120			45	54.410.400	10	12.069.000

			Cộng cuối tháng 12			258	311.945.220	256	309.580.800		
			Số dư cuối kỳ							11	13.167.525

Biểu mẫu số 2.12 Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234

Địa chỉ: 2B Trường Chinh, Phường Lãm Hà,
quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S11 – DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tài khoản : 152

Tháng 03 năm 2015

STT	Tên vật liệu	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
1	Gạch 2 lỗ		931.056.000	912.000.000	20.106.000
...
101	Xi măng PCB 30	6.101.488	202.489.224	190.894.745	17.695.967
11	Xi măng PCB 40	10.803.105	311.945.220	309.580.800	13.167.525
..
17	Thép tròn D<=18mm	1.989.827	22.789.878	21.878.620	2.901.085
18	thép thanh vằn d12	11.760.000	291.840.000	301.072.000	8.715.000
.....
	Cộng	7.080.150.775	26.368.593.000	27.787.914.781	5.988.828.697

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu mẫu số 2.13: Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa

2.2.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc ghi chép, phản ánh một cách tổng quát tình hình biến động của nguyên vật liệu trên các tài khoản, sổ kế toán và các báo cáo tài chính theo chỉ tiêu giá trị. Hiện nay, công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234 sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho nói chung và vật liệu nói riêng.

2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

Phiếu nhập kho

Phiếu xuất kho.

Hóa đơn GTGT.K

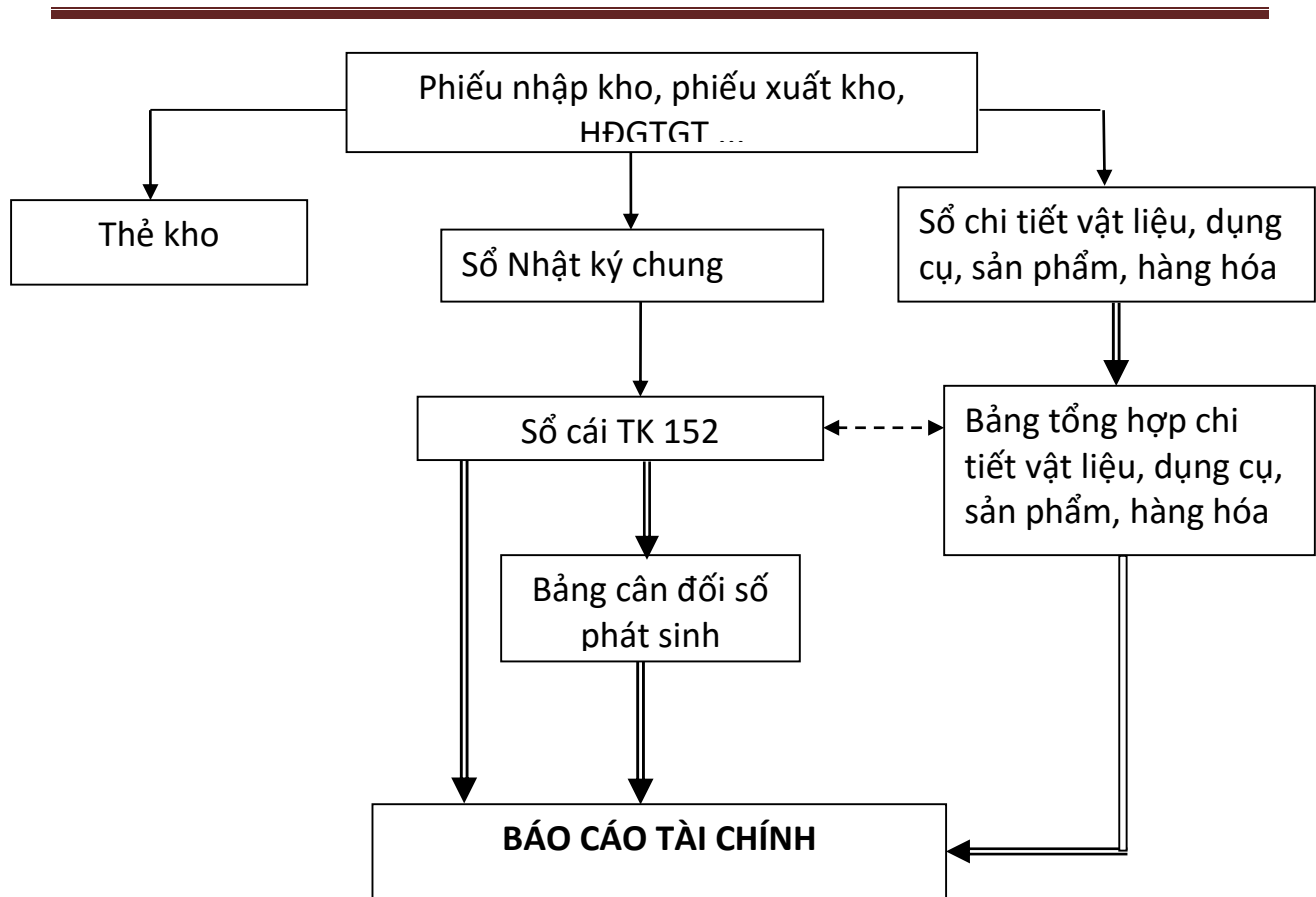
Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có,.....

2.2.3.2 Tài khoản kế toán sử dụng.

- TK 152- “Nguyên vật liệu”
- TK 154- “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”
- TK 621 – “Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp”
- Các TK khác liên quan 133, 111, 112, 331,.....

2.2.3.3 Quy trình hạch toán.

- Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi cuối ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <-.-.->

Sơ đồ 2.5 . Quy trình hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234

2.2.3.4. Ví dụ minh họa.

Lấy lại các nghiệp vụ ở phần kế toán chi tiết để minh họa phần kế toán tổng hợp.

Ví dụ 3:

Ngày 04/03/2015 công ty mua thép thanh vằn của công ty TNHH thương mại Nguyên Phát.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000375 (Biểu số 2.14) và phiếu nhập số 47 (Biểu số 2.15), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.23) từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK152 (Biểu số 2.24) , sổ cái các tài khoản khác liên quan.

Ngày 06/03/2015 xuất 3.200kg cho công trình Vĩnh Tân theo giấy đề nghị cấp vật tư và phiếu xuất kho số 40 (biểu 2.16), kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.21) và vào sổ cái TK 152 (Biểu số 2.22).

Ví dụ 4:

- Ngày 02 tháng 03 năm 2015 Công ty mua xi măng PCB 40 của công ty xi măng VICEM Hải Phòng.

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000315 (Biểu số 2.17), ủy nhiệm chi (Biểu số 2.18) và phiếu nhập số 45 (Biểu số 2.19), kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.21). Từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 152 (Biểu số 2.22), và sổ cái các tài khoản liên quan.

- Ngày 16 tháng 03 năm 2015 xuất 45 tấn xi măng PCB 40 cho công trình Vĩnh Tân theo giấy đề nghị cấp vật tư và phiếu xuất kho số 50 (Biểu số 2.20), kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.21), và vào sổ cái TK 152 (Biểu số 2.22).

- Cuối kỳ, đối chiếu số liệu trên sổ cái TK 152 với bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu (Biểu số 2.23)

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: (Giao khách hàng)

Mẫu số: 01GTKT3/001
Kí hiệu: AA/15P
Số: 0000375

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGUYỄN PHÁT**

Mã số thuế: 0312504997

Địa chỉ: 116/1/ đường Tây Sơn, phường Tân Phú, quận Tân phú, TP Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.3847 3749/ Fax: 08. 3847 2947.

Số tài khoản: 35961809

Họ tên người mua hàng: Trần Văn Vũ.

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 234

Mã số thuế: 0200742545

Địa chỉ: 2B Trường Chinh, Phường Lâm Hà, quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản: 160314851016956

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1)	Thép thanh vằn d12	kg	4.800	12.150	58.320.000

Cộng tiền hàng: ~~58.320.000~~

Thuế suất GTGT: 10 %

Tiền thuế GTGT:

5.832.000

Tổng cộng thanh toán:

64.152.000

Số tiền viết bằng chữ: Sáu mươi bốn triệu, một trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng

(kí, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(kí, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Biểu mẫu số 2.14: Hóa đơn GTGT

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY
DỰNG BẠCH ĐĂNG 234
Địa chỉ: 2B Trường Chinh, Phường Lãm
Hà, quận Kiên An, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số 01-VT

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 04 tháng 03 năm 2015

Số: 47

Nợ:152

Có:331

Họ và tên người giao: Công ty TNHH Thương mại Nguyên Phát

Theo HĐGTGT số 0000375 ngày 04 tháng 03 năm 2015

Nhập tại kho: : vật liệu xây dựng

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép thanh vằn d12		kg	4.800	4.800	12.150	58.320.000
	Cộng			4.800	4.800		58.320.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Năm mươi tám triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.

- Chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 04 tháng 03 năm 2015

Người lập phiếu Người giao hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc

Biểu mẫu số 2.15: (Trích phiếu nhập kho)

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY
DỰNG BẠCH ĐĂNG 234
Địa chỉ: 2B Trường Chinh, Phường
Lãm Hà, quận Kiến An, Thành phố Hải
Phòng

Mẫu số 02-VT

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 06 tháng 03 năm 2015

Số: 40

Nợ: 621

Có: 152

Họ và tên người nhận: Nguyễn Văn Cường

Lý do xuất kho: phục vụ xây dựng công trình Vĩnh Tân

Xuất tại kho: vật liệu xây dựng

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép thanh vằn d12		kg	3.200	3.200	12.125	38.800.000
	Cộng			3.200	3.200		38.800.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn.
- Chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 06 tháng 03 năm 2015

Người lập phiếu

Người nhận

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

hàng

Biểu mẫu số 2.16: Phiếu xuất kho

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: (Giao khách hàng)

Mẫu số: 01GTKT3/001
Kí hiệu: AA/15P
Số: 0000315

Nhàv 02 thánv 03 nămv 2015

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG**

Mã số thuế: 0200155219

Địa chỉ: Trảng Kênh, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Số tài khoản: 2125201001670

Họ tên người mua hàng: Trần Văn Vũ

Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 234**

Mã số thuế: 0201003794

Địa chỉ: 2B Trường Chinh, Phường Lãm Hà, quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản: 160314851016956

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1)	Xi măng PCB	TẤN	20	1.209.090	24.181.800
Cộng tiền hàng:					24.181.800
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT :		2.418.180
Tổng cộng thanh toán:				26.599.980	

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm tám mươi đồng.

Người mua hàng (kí, ghi rõ họ tên)	Người bán hàng (kí, ghi rõ họ tên) (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)	Thủ trưởng đơn vị (kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
--	--	---

Biểu mẫu số 2.17: Hóa đơn GTGT đầu ra

**ỦY NHIỆM CHI**

PAYMENT ORDER

Ngày/Date 02/03/2015

CHUYỂN KHOẢN/Transfer**Đơn vị trả tiền:** Công ty CP Xây dựng Bạch Đằng 234*Order name***Số tài khoản:** 160314851016956*Account number***Tại Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – SGD/Chi nhánh/PGD:** Trần Nguyên Hãn**With VIETNAM EXPORT IMPORT BANK – M.T.O/Branch/T.O****Đơn vị nhận tiền:** CÔNG TY XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG*Beneficiary's name* **Số tài khoản:** 2125201001670*Account No.***Tại Ngân hàng:** TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Thủy Nguyên**Ngày cấp:***With bank***Tỉnh/TP:** Hải Phòng*Province/city***Số tiền bằng chữ:** Hai mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm tám mươi đồng*mount of words***Nội dung:** Trả tiền mua xi măng**ĐV trả tiền ngày***Ordered on*

Kế toán trưởng

Chief

Accountant

Chủ tài khoản

Account holder

NH A (Eximbank) ghi số ngày

02/03/15

Registered by Bank A

(Eximbank) on

Giao dịch viên Kiểm soát

Teller *Verifier*
Biểu số: 2.18 Ủy nhiệm chi

NH B (Beneficiary's Bank) ghi số

ngày

Registered by Bank B on

Giao dịch viên Kiểm soát

*Teller**Verifier* **CMND/Hộ chiếu:**.....*I.D/PP No.**Issued date***Nơi cấp:**.....*Issued place***Số tiền bằng số***Amount in figures*

26.599.980

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY
DỰNG BẠCH ĐĂNG 234
Địa chỉ: 2B Trường Chinh, Phường Lãm
Hà, quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số 01-VT

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 02 tháng 03 năm 2015

Số: 45

Nợ:152

Có:112

Họ và tên người giao: **CÔNG TY XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG**

Theo HĐGTGT số 0001898 ngày 02 tháng 03 năm 20145 của

CÔNG TY XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG

Nhập tại kho: : vật liệu xây dựng

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xi măng PCB 40		Tấn	20	20	1.209.090	24.181.800
	Cộng			20	20		24.181.800

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi bốn triệu, một trăm tám mươi một nghìn, tám trăm đồng.

Chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 02 tháng 03 năm 2015

Người lập phiếu Người giao hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc

Biểu mẫu số 2.19: (Trích phiếu nhập kho)

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY
DỰNG BẠCH ĐĂNG 234
Địa chỉ: : 2B Trường Chinh, Phường Lãm
Hà, quận Kiên An, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số 02-VT

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 16 tháng 03 năm 2015

Số: 50

Nợ: 621

Có: 152

Họ và tên người nhận: Nguyễn Văn Cường

Lý do xuất kho: phục vụ xây dựng công trình Vĩnh Tân

Xuất tại kho: Vật liệu xây dựng

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xi măng PCB 40		Tấn	45	45	1.209.120	54.410.400
	Cộng			45	45		54.410.400

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Năm mươi bốn triệu, bốn trăm mười nghìn, bốn trăm đồng.
- Chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 16 tháng 03 năm 2015

Người lập phiếu

Người nhận

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

hàng

Biểu mẫu số 2.20: Phiếu xuất kho

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234
 Địa chỉ: 2B Trường Chinh, Phường Lãm Hà, quận Kiến An, Thành phố
 Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
 (Ban hành theo thông tư 200-BTC
 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đ.ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
01/03/2015	PC0101	01/03/2015	B.Dung nộp tiền vào TKNH Vietinbank K.AN	11214 1111	2.000.000	2.000.000
02/03/2015	UNC0203	02/03/2015	Mua xi măng PCB 40 của cty xi xi măng VICEM Hải Phòng	152 133 112	24.181.800 2.418.180	26.599.980
....
04/03/2015	HD 0000375	04/03/2015	Mua thép thanh vằn d12	152 133 331	58.320.000 5.832.000	64.152.000
06/03/2015	PC0108	06/03/2015	Ô.Xô t.ứng cho công trình NX 3 tầng YOBG (10829)	1431 1111	55.000.000	55.000.000
06/03/2015	PC0109	06/03/2015	B. Hằng thanh toán tiền vé máy bay công tác CT Vĩnh Tân	642	13.859.000	13.859.000
06/03/2015	PX 40	06/03/2015	Xuất thép thanh vằn d12 cho CT Vĩnh Tân	621 152	38.800.000	38.800.000
...
16/12/2015	PX 50	16/03/2015	Xuất xi măng PCB 40 cho CT Vĩnh Tân	621 152	54.410.400	54.410.400
.....
			Cộng số phát sinh		1.546.504.079.076	1.546.504.079.076

Biểu mẫu số 2.21: Trích sổ nhật ký chung

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng
BTC)

Đ/C: 2B Trường Chinh, Phường Lãm Hà, quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên Tài khoản: Nguyên vật liệu

Số hiệu TK: 152

Năm 2015

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số TKĐƯ	hiệu	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 3			<u>7.080.150.775</u>	
02/03	HĐ 000315	02/03	Mua xi măng PCB 40 của cty xi măng VICEM Hải Phòng	112		24.181.800	
....
04/03	UNC0203	04/03	Mua thép thanh vằn d12	331		58.320.000	
..			
06/03	PX 40	06/03	Xuất thép thanh vằn d12	621			38.800.000
07/03	PX41	07/03	Xuất thép hình U cho CT thoát nước Trại Lê	621			27.580.000
..
16/12	PX 50	16/12	Xuất xi măng PCB 40 cho CT Vĩnh Tân	621			54.410.400
..
			Cộng phát sinh tháng 12			26.368.593.00 0	27.787.914.781
			Dư cuối năm			<u>5.988.828.697</u>	

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

Biểu mẫu số 2.22: Trích sổ cái TK 152

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
 BẠCH ĐĂNG 234
 Địa chỉ: 2B Trường Chinh, Phường Lãm Hà,
 quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S11 – DN
 (Ban hành theo thông tư
 200/2014/TT-BTC ngày
 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN
 PHẨM, HÀNG HÓA**

Tài khoản : 152
 Tháng 03 năm 2015

STT	Tên vật liệu	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
1	Gạch 6 lỗ	1.897.000	980.768.768	968.989.657	13.676.111
...
101	Xi măng PCB 30	6.101.488	202.489.224	190.894.745	17.695.967
11	Xi măng PCB 40	10.803.105	311.945.220	309.580.800	13.167.525
..
17	Thép tròn D<= 18mm	1.989.827	22.789.878	21.878.620	2.901.085
	Thép thanh vằn d12	11.760.000	291.840.000	301.072.000	8.715.000
.....
	Cộng	7.080.150.775	26.368.593.000	27.787.914.781	5.988.828.697

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

Người lập
 (ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký, họ tên)

**Biểu mẫu số 2.23: Trích bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm,
 hàng hóa**

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây dựng Bạch Đăng 234.

Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đăng 234 là đơn vị sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng với sản phẩm chủ yếu là các công trình công nghiệp và dân dụng có quy mô lớn, kết cấu phức tạp, thời gian sử dụng lâu dài và mang tính cố định. Do đó, công tác quản lý giám sát thi công là điều hết sức quan trọng, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu vì nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất, có ảnh hưởng lớn đến chất lượng công trình cũng như mỹ quan của sản phẩm. Công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng của doanh nghiệp đang ngày càng được củng cố và hoàn thiện hơn, đáp ứng yêu cầu về lĩnh vực xây dựng trong nền kinh tế hiện nay.

Qua quá trình nghiên cứu thực tế tại Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đăng 234 em nhận thấy trong công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu ở đây đã có những ưu điểm nhưng cũng còn tồn tại một số hạn chế, em xin mạnh dạn đưa ra dưới đây rất mong Công ty tiếp tục phát huy những ưu điểm đồng thời nhanh chóng khắc phục những nhược điểm nhằm mục đích hoàn thiện hơn nữa công tác quản lý, sử dụng và hạch toán nguyên vật liệu trong thời gian tới.

3.1.1. Ưu điểm.

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập chung: Toàn bộ công tác kế toán tập chung tại phòng kế toán. Chứng từ sau khi được các phòng thu thập, kiểm tra và gửi về phòng kế toán kiểm tra lại tính chính xác, hợp lý, hợp lệ của chứng từ rồi tổng hợp ghi vào sổ kế toán. Mô hình này phù hợp với quy mô của công ty cổ phần xây dựng Bạch Đăng 234, nó đảm bảo quản lý tập trung và thống nhất công tác kế toán, dễ phân công, kiểm tra, đối chiếu, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả. Cán bộ kế toán được phân công, phân nhiệm vụ rõ ràng nên sự chuyên môn hóa rất cao, đảm bảo các phần hành tiến hành nhanh nhẹn, độ chính xác cao và đảm bảo khả năng cung cấp thông tin trung thực, hợp lý, kịp thời.

❖ ***Về công tác thu mua, bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu:***

Vấn đề quản lý chặt chẽ các yếu tố đầu vào là yếu tố sống còn đối với mỗi doanh nghiệp, đặc biệt là sự tồn tại của công ty trong việc cạnh tranh gay gắt với doanh nghiệp khác trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Do vậy, việc quản trị doanh nghiệp nói chung và công tác kế toán trong doanh nghiệp nói riêng, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu luôn được các nhà quản lý quan tâm. Nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ từ khâu thu mua, vận chuyển và xuất nguyên vật liệu cho các đội xây dựng.

- *Khâu thu mua:* Công ty đang áp dụng một quy trình quản lý vật tư từ khâu tiếp nhận, cấp phát đến thu hồi rất chặt chẽ và hiệu quả. Theo quy trình này cả 3 yếu tố số lượng, chất lượng, giá trị của vật tư mua vào đều được quản lý riêng biệt bởi 04 bộ phận khác nhau, đó là: phòng quản lý vật tư, phòng quản lý chất lượng, phòng mua bán-xuất nhập khẩu, phòng kế toán. Việc này làm cho khối lượng công việc ở mỗi phòng ban được giảm nhẹ mà lại tạo hiệu quả rất cao trong công tác quản lý vật tư và cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác cho Ban lãnh đạo.

Nhờ áp dụng quy trình này, số lượng vật tư luôn được đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ và luôn ở trạng thái sẵn sàng cho sản xuất, vì vậy Công ty luôn tránh được tình trạng phải ngưng hay giảm cường độ lao động do thiếu hay phải chờ nguyên vật liệu, gây thiệt hại cho Công ty.

Bên cạnh đó chất lượng vật tư cũng luôn được đảm bảo đạt tiêu chuẩn cho sản xuất. Chất lượng vật tư không chỉ được kiểm tra ở khâu nhập kho mà còn được kiểm tra kỹ lưỡng trước khi xuất dùng cho sản xuất, điều này đã giúp cho Công ty tạo được lòng tin, uy tín và thu hút được khách hàng.

- *Khâu bảo quản:* Công ty đã xây dựng được hệ thống nhà kho riêng biệt cho từng loại nguyên vật liệu và có thủ kho riêng. Hệ thống kho của Công ty hiện tại gồm có: kho vật liệu chính, kho vật liệu phụ, kho vật liệu hàn, kho vật liệu sơn, và kho vật liệu điện. Mỗi kho đều được lắp đặt các thiết bị bảo quản vật liệu riêng, các kho đều được xây dựng nơi thoáng mát, sạch sẽ đảm bảo cho nguyên vật liệu được đảm bảo tốt nhất, hạn chế ảnh hưởng của thời tiết, các thủ

kho của từng kho này sẽ có tinh thần, trách nhiệm cao và trình độ chuyên môn tốt.

- *Khâu sử dụng*: Công ty căn cứ vào định mức nguyên vật liệu, và kế hoạch tiêu thụ do phòng thiết kế đưa ra để chủ động có kế hoạch mua vật tư nên lượng tồn kho rất ít, giảm chi phí lưu kho, vốn không ứ đọng, giá thành sản phẩm sẽ hạ bớt phần nào.

Nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ, mọi nhu cầu sản xuất được lập kế hoạch từ trước và được Giám đốc thông qua. Trong khâu xuất kho, Công ty đòi hỏi sự chi tiết, rõ ràng và hợp lý về bộ phận sử dụng và mục đích sử dụng nguyên vật liệu cũng như mối liên hệ thống nhất giữa bộ phận quản lý sản xuất, quản lý vật tư, thủ kho, thông qua phiếu xuất kho, thẻ kho... Chính sự thống nhất, chặt chẽ trong thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu đã giúp cho công tác quản lý, hạch toán nguyên vật liệu tại công ty được chính xác, đảm bảo vật liệu được sử dụng hợp lý, tiết kiệm chi phí trong sản xuất.

❖ ***Về tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán:***

Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại công ty đang được áp dụng đúng theo chế độ kế toán hiện hành. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đồng thời phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình biến động tài sản và nguồn vốn của công ty. Hình thức kế toán công ty áp dụng là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản phù hợp với quy mô của doanh nghiệp, giúp hệ thống hóa thông tin chính xác, khoa học. Hệ thống sổ sách báo cáo của công ty cũng khá linh hoạt và đầy đủ phù hợp với chế độ quy định của nhà nước.

❖ ***Về công tác hạch toán nguyên vật liệu:***

Kế toán vật tư phản ánh đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến nguyên vật liệu, phù hợp với đặc trưng của ngành xây dựng và đúng theo chế độ kế toán hiện hành. Việc hạch toán nguyên vật liệu từ hạch toán chi tiết đến hạch toán tổng hợp đều được tiến hành rất đều đặn, đúng kỳ. Mặt khác do công ty tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên nên phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu liên tục. Phương pháp này phù hợp với tình hình biến động vật tư tại bất kỳ thời điểm nào. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu công ty áp dụng phương pháp thẻ song song. Phương pháp này đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra số liệu và cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán tổng hợp ngay cả khi có sự biến động của công ty diễn ra

thường xuyên, liên tục. Đây là phương pháp phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

3.1.2. Hạn chế.

Bên cạnh những ưu điểm ở trên công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng của công ty còn bộc lộ rõ những mặt hạn chế cần khắc phục như sau:

*** Về việc quản lý vật tư:**

- Do khối lượng vật liệu chính lớn, đa dạng, nhiều chủng loại mà diện tích nhà kho nhỏ và đang xuống cấp nên một số vật tư vẫn tập trung tập kết ngoài trời, tuy có bạt che phủ nhưng vẫn không tránh khỏi sự han gỉ của vật liệu.

- Công ty chưa có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại nguyên vật liệu do vậy sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý nguyên vật liệu. Các loại nguyên vật liệu mới chỉ được mã hóa bằng chữ cái theo ký hiệu viết tắt của chúng vì vậy thiếu thống nhất, rất khó để mọi người nhận biết đâu là nguyên vật liệu chính và đâu là nguyên vật liệu phụ, phụ từng thay thế,...Do vậy, công tác quản lý nguyên vật liệu chưa được phân định rõ ràng. Đây là vấn đề ban lãnh đạo công ty cần quan tâm, xem xét để có một hệ thống nguyên vật liệu được mã hóa khoa học hợp lý hơn tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, bảo quản, sử dụng và thuận tiện trong việc ứng dụng phần mềm kế toán.

*** Về công tác hạch toán kế toán:**

Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng chủng loại vật tư nguyên liệu rất đa dạng dẫn đến số lượng sổ sách theo dõi rất lớn và phức tạp. Hiện nay, phòng kế toán công ty vẫn thực hiện bằng tay trên sổ sách giấy tờ do vậy rất vất vả, việc áp dụng tin học chỉ là sử dụng chương trình excel để lập sổ và hỗ trợ cho việc tính toán. Việc này đã làm cho hiệu quả quản lý đối với nguyên vật liệu cũng như hạch toán kế toán bị hạn chế, vì chương trình này và hệ thống sổ kế toán chưa đầy đủ để thuận tiện cho việc theo dõi, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho Ban lãnh đạo khi được yêu cầu.

❖ Về việc luân chuyển chứng từ:

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ từ từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao nhận chứng từ đều phải ký vào phiếu giao nhận. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý.

Việc làm này giúp quản lý chứng từ chặt chẽ hơn và theo dõi được số lượng chứng từ trong một khoảng thời gian nhất định. Hơn nữa, cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

❖ *Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nên khi có những biến động về giá cả nguyên vật liệu thì công ty không có nguồn tài chính để bù đắp những tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch. Điều này có thể dẫn đến tình trạng không bảo tồn vốn kinh doanh của công ty, gây bất ổn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.

Trải qua quá trình phát triển và đổi mới sâu sắc theo cơ chế thị trường hơn thập kỷ qua, kế toán Việt Nam đã không ngừng được hoàn thiện và phát triển, góp phần tích cực vào việc tăng cường và nâng cao chất lượng quản lý tài chính quốc gia và quản trị doanh nghiệp.

Việc hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán nguyên vật liệu sẽ giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao lợi nhuận. Cũng như nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng với đặc điểm chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí để xây dựng công trình cũng như giá thành sản phẩm. Vì vậy mà việc nghiên cứu, đưa ra những biện pháp để hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu là vô cùng cần thiết và việc hoàn thiện này phải được tuân theo những yêu cầu sau:

✓ Hoàn thiện công tác kế toán trước hết phải phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hệ thống ban hành bắt buộc các doanh nghiệp phải áp dụng, nhưng được quyền vận dụng trong một phạm vi nhất định, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp để mang lại hiệu quả cao nhất.

✓ Các biện pháp hoàn thiện phải được xây dựng trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán hiện hành. Tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý tại đơn vị mình, không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ, nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng chế độ hiện hành về quản lý tài chính của nhà nước.

✓ Kế toán là khoa học thu nhận, xử lý thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của các nhà quản trị doanh nghiệp. Do vậy, các thông tin kế toán đưa ra phải

chính xác, kịp thời, phù hợp với yêu cầu, giúp cho các nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn, đạt kế quả tối ưu, đây là yêu cầu không thể thiếu trong công tác kế toán.

✓ Hoàn thiện công tác kế toán phải đảm bảo hài hòa mối quan hệ giữa chi phí và lợi nhuận đạt được mục tiêu tối thiểu hóa chi phí, tối ưu hóa lợi nhuận.

3.2.1. Hoàn thiện về việc kiểm nghiệm chất lượng nguyên vật liệu nhập kho.

Trong môi trường phát triển kinh tế hội nhập hiện nay, cạnh tranh trở thành một yếu tố mang tính chất quốc tế, đóng vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của mỗi doanh nghiệp. Đối với một doanh nghiệp xây lắp thì chất lượng nguyên vật liệu trở thành một trong những chiến lược quan trọng nhất làm tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Quan tâm tới chất lượng, quản lý chất lượng nguyên vật liệu chính là một trong những phương thức tiếp cận và tìm cách đạt được những thắng lợi trong sự cạnh tranh gay gắt trên thương trường nhằm duy trì sự tồn tại và phát triển của công ty. Để phục vụ nhu cầu sản xuất thì số lượng nguyên vật liệu nhập kho công ty là rất lớn, tuy nhiên công ty mới chỉ kiểm tra về mặt số lượng, còn về mặt chất lượng nguyên vật liệu nhập kho chưa được đặc biệt chú trọng.

Vì vậy công ty nên lập một hội đồng kiểm nghiệm và sử dụng biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa để kiểm tra số lượng, quy cách, chất lượng nguyên vật liệu nhập kho cũng như quản lý chất lượng trong quá trình bảo quản và sử dụng, từ đó làm căn cứ để quy trách nhiệm trong thanh toán và bảo quản.

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 2 (Ban hành theo thông tư số:200/2014/TT-BTC ngày 22/12/ 2014 của BTC)
Địa chỉ: 2B Trường Chinh, Phường Lãm Hà, quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM
Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Số:.....

- Căn cứ:.....số:.....ngày.....tháng.....năm.....của.....
- Ban kiểm nghiệm gồm:
 - + Ông/ Bà.....chức chức vụ:..... Đại diện:.....Trưởng ban.
 - + Ông/ Bà.....chức chức vụ:..... Đại diện:.....Ủy viên.
 - + Ông/ Bà.....chức chức vụ:..... Đại diện:..... Ủy viên.

Đã kiểm nghiệm các loại:.....

STT	Tên,nhãn hiệu,quy cách, phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F

Ý kiến của ban kiểm nghiệm:

.....
.....
.....

Đại diện kỹ thuật
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trưởng ban
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.1: Biên bản kiểm nghiệm vật tư

3.2.2. Hoàn thiện việc lập sổ danh điểm vật tư.

Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234 là một công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng nên khối lượng nguyên vật liệu sử dụng là rất lớn và đa dạng về chủng loại, kích cỡ. Hiện nay nguyên vật liệu của công ty được phân loại theo chức năng, vai trò chúng đảm nhiệm trong quá trình sản xuất. Việc phân loại như vậy thì đơn giản nhưng chưa khoa học, chưa thể hiện được rõ đặc điểm công dụng của từng loại nguyên vật liệu. Theo em công ty nên xây dựng một hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty và sử dụng “Sổ danh điểm vật tư”

Sổ danh điểm vật tư là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu đã và đang sử dụng, được theo dõi theo từng nhóm, từng loại, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ, logic, hợp lý. Hệ thống các danh điểm vật tư có thể được xác định theo nhiều cách thức khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Mỗi loại, mỗi nhóm vật liệu được quy định một mã riêng sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết.

Xây dựng sổ danh điểm vật tư giúp cho việc quản lý từng loại vật tư sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng giúp cho việc thống nhất giữa thủ kho và kế toán trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập, xuất, tồn.

Để đảm bảo phản ánh đúng chức năng cũng như công dụng của từng loại nguyên vật liệu công ty nên sử dụng các tiểu khoản như sau trong quá trình hạch toán nguyên vật liệu:

- TK 1521: “Nguyên vật liệu chính”
- TK 1522: “Nguyên vật liệu phụ”
- TK 1523: “Nhiên liệu”
- TK 1524: “Phụ tùng thay thế”
- TK 1525: “Phế liệu thu hồi”

Việc mở thêm các tiểu khoản sẽ giúp cho việc quản lý theo dõi các loại nguyên vật liệu một cách khoa học và thuận tiện hơn, tránh gây tình trạng nhầm lẫn, sai sót, đồng thời phản ánh đúng theo quy định của nhà nước.

Để lập sổ danh điểm vật tư điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, có dự trữ để bổ sung những mã vật liệu chưa có. Công ty có thể xây dựng bộ mã dựa vào các đặc điểm sau:

- Dựa vào nhóm nguyên vật liệu;

-
- Dựa vào loại vật liệu trong mỗi nhóm;
 - Dựa vào số thứ tự vật liệu có trong mỗi nhóm, loại;
 - Dựa vào quy cách vật liệu trong mỗi thứ;

Ví dụ:

TK 1521: Nhóm nguyên vật liệu chính.

TK 1521- A: Cát

Trong đó:

TK 1521- A1: Cát đen

TK 1521- A2: Cát vàng

TK 1521- A3: Cát Hà Bắc

.....

TK 1522: Nhóm nguyên vật phụ

TK 1522- A: Cọc tre cây trồng

Trong đó:

TK 1522- A1: Cọc tre 5m

TK 1522- A2: Cọc tre 4m

TK 1523: Nhóm nhiên liệu

TK 1523- A: Dầu

TK 1523- B: Xăng

.....

TK 1524: Phụ tùng thay thế

TK 1525: Phế liệu thu hồi

Theo em, để tiện lợi cho việc theo dõi và quản lý nguyên vật liệu công ty nên lập sổ danh điểm vật tư như sau:

Biểu số 3.2: Sổ danh điểm vật tư.

Kí hiệu		Danh điểm vật tư	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Ghi chú
Nhóm	Loại				
TK 1521			Nguyên vật liệu chính		
	TK 1521- A		Cát	m ³	
		TK 1521- A1	Cát đen	m ³	
		TK 1521- A2	Cát vàng	m ³	
		TK 1521- A3	Cát Hà Bắc	m ³	
.....
	TK 1521- B		Xi măng		
		TK 1521- B1	Xi măng Chifont		
		TK 1521- B2	Xi măng PCB30		
		TK 1521- B3	Xi măng PCB40		
...
TK 1522			Nguyên vật phụ		
	TK 1522- A		Cọc tre cây trồng	cọc	
		TK 1522- A1	Cọc tre 5m	cọc	
....
TK 1523			Nhiên liệu		
...
TK 1524			Phụ tùng thay thế		
...
TK 1525			Phế liệu thu hồi		
..

3.2.3. Về việc lập biên bản kiểm kê vật liệu tồn kho cuối tháng.

Do hệ thống kho tàng ở công ty chưa tốt, có những nguyên vật liệu phải để cả ngoài sân nên hao hụt nguyên vật liệu và giảm chất lượng là điều dễ hiểu. Vì vậy để phục vụ cho việc quản lý và bảo quản nguyên vật liệu một cách tốt hơn, công ty nên lập biên bản kiểm kê vật tư hàng tháng để xác định khối lượng, chất lượng vật tư làm căn cứ xác định trách nhiệm trong công tác bảo quản, xử lý vật tư thiếu và để kế toán vật tư hạch toán phần thiếu hụt này.

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234
 Địa chỉ: 2B Trường Chinh, Phường Lâm Hà,
 quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số: 05-VT
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/ 2014 của BTC)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

- Thời điểm kiểm kê.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....
- Ban kiểm nghiệm gồm:
 - + Ông/ Bà.....chức chức vụ:..... Đại diện:.....Trưởng ban.
 - + Ông/ Bà.....chức chức vụ:..... Đại diện:.....Ủy viên.
 - + Ông/ Bà.....chức chức vụ:..... Đại diện:..... Ủy viên.
- Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây.....

Ngày ...tháng...năm

S T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, dụng cụ	Mã số	ĐVT	Đơn giá	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Phẩm chất		
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
									Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền			
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Cộng	x	x	x	x		x		x		x		x	x	x

kê

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ kho

Trưởng ban kiểm

Biểu số 3.3: Biên bản kiểm kê vật liệu tồn kho

3.2.4. Hoàn thiện công tác kế toán luân chuyển chứng từ.

- Qua theo dõi chứng từ ban đầu ở các đội việc sử lý để chuyển lên phòng kế toán trung tâm còn chậm do đó phải có biện pháp quy định về mặt thời gian luân chuyển chứng từ ban đầu để đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời.

- Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì bên giao và nhận chứng từ phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người đúng bộ phận. Việc này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty hơn nữa cũng nâng cao trách nhiệm cho cán bộ đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Biểu số 3.4: Sổ giao nhận chứng từ.

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Năm....

STT	Chứng từ		Nội dung trên chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Người giao	Người nhận

3.2.5. Hoàn thiện về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Để tránh được những tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của công ty khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán thì công ty nên tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị dự kiến bị tổn thất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh do giảm giá hàng tồn kho có thể xảy ra trong năm kế hoạch. Đây sẽ là nguồn tài chính bù đắp những tổn thất có thể xảy ra khi sự thay đổi giá của nguyên vật liệu có sự biến động theo chiều hướng không có lợi cho công ty và đảm bảo việc cung cấp nguyên vật liệu kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra thường xuyên, liên tục.

Các khoản dự phòng có vai trò quan trọng đối với doanh nghiệp và nó được thể hiện ở một số mặt khác nhau như: nhờ có khoản dự phòng giảm giá bằng cân đối kế toán của doanh nghiệp phản ánh chính xác hơn giá trị thực của tài sản. Dự phòng giảm giá được ghi nhận như một khoản chi phí làm giảm lợi nhuận phát sinh để tính toán chính xác hơn ra số lợi nhuận thực tế.

Doanh nghiệp có thể lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nếu tại thời điểm lập báo cáo tài chính những hàng hóa có giá trị bán trên thị trường thấp hơn giá trị trên sổ kế toán, hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp.

Mức trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (theo thông tư 200/2014-BTC) tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho} = \text{Lượng vật tư, hàng hóa thực tế tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính} \times \text{Chênh lệch giảm giá hàng tồn kho}$$

$$\text{Chênh lệch giảm giá hàng tồn kho} = \text{Giá gốc hàng tồn kho theo sổ kế toán} - \text{Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho}$$

Phải lập dự phòng cho những vật tư, hàng hóa tồn kho nếu xét thấy có những bằng chứng đáng tin cậy có thể xảy ra trong tương lai.

Kế toán xác định số dự phòng giảm giá cần lập cho niên độ kế toán với điều kiện không được lớn hơn số lợi nhuận thực tế của công ty.

Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho sử dụng tài khoản 229 “Dự phòng tổn thất tài sản”. Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản dự phòng tổn thất tài sản.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 229 - Dự phòng tổn thất tài sản

Bên Nợ:

- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết;
- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra.
- Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.

Bên Có:

Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Số dư bên Có: Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.

Tài khoản 229 - Dự phòng tổn thất tài sản có 4 tài khoản cấp 2

Tài khoản 2291 - Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Tài khoản 2292 - Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn.

Tài khoản 2293 - Dự phòng phải thu khó đòi: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khó đòi.

Tài khoản 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Phương pháp kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

a) Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2294).

b) Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2294)

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

c) Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư, hàng hóa bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (số được bù đắp bằng dự phòng)

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (nếu số tổn thất cao hơn số đã lập dự phòng)

Có các TK 152, 153, 155, 156.

d) Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trước khi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển thành công ty cổ phần: Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho sau khi bù đắp tổn thất, nếu được hạch toán tăng vốn nhà nước, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2294)

Có TK 411 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Thực trạng tại công ty

Biểu mẫu số 3.5: Bảng kê chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại Công ty

STT	Tên mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Theo sổ kế toán		Theo giá thị trường		Số tiền dự phòng
				Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	
1	2		3	4	5	6	7	8
1	Thép hình H	kg	2.864	9.600	27.494.400	9.145	26.191.280	1.303.120
2	Thép hình I	kg	2.530	11.568	29.267.040	11.127	28.151.310	1.115.730
3	Thép thanh vằn d12	kg	3.117	12.545	39.102.765	11.950	37.248.150	1.854.615
4	Thép ống kẽm φ 21	kg	4.000	35.000	140.000.000	31.000	124.000.000	16.000.000
	Cộng							20.273.465

Kế toán ghi: Nợ TK 632: 20.273.465

Có TK 2294: 20.273.465

Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên và ghi: sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 632, 229.

3.2.6. Một số giải pháp khác.

3.2.6.1. Quản lý và sử dụng vật tư.

Để có thể giảm thiểu được chi phí thì công ty phải chú trọng đến công tác quản lý, sử dụng vật tư ở tất cả các khâu, cụ thể như sau:

- Giảm giá chi phí công tác thu mua, sử dụng đúng định mức, tiết kiệm, hạn chế hỏng, bảo quản nguyên vật liệu trong kho, che đậy,...

- Công ty vẫn thường mua hàng của các đối tác quen thuộc nên tìm kiếm thêm các nhà cung cấp mới để có nhiều sự lựa chọn hơn, sẽ có được mức giá hợp lý nhằm giảm chi phí thông qua các khoản giảm giá, chiết khấu thương mại và có được vật tư với chất lượng tốt nhất như vậy cũng tránh được tình trạng phải phụ thuộc vào nhà cung cấp.

- Nên có chế độ khen thưởng đối với các cá nhân, tập thể sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu, có những sáng kiến trong việc sử dụng tiết kiệm vật tư. Đồng thời cũng kỷ luật các cá nhân, tập thể gây lãng phí vật tư. Bên cạnh đó nên tổ chức các cuộc thi để tạo sự thi đua giữa các cá nhân, tập thể trong việc tiết kiệm vật tư, giảm chi phí.

- Thường xuyên đôn đốc nhắc nhở công tác thu hồi vật tư, thiết bị để tái chế, phục hồi đưa vào sản xuất nhằm giảm chi phí.

3.2.6.2. Về việc tổ chức kho bảo quản.

- Với vật liệu chính như: các loại thép tấm, thép hình, thép ống... có kích cỡ lớn, chiều dài lớn do Công ty không thể xây dựng nhà kho bảo quản mà chỉ tập kết tại các bãi tập ngoài trời, tuy có bạt che phủ nhưng không tránh khỏi tình trạng han gỉ, thất thoát, giảm chất lượng vật tư. Mặt khác, vật tư cũng chưa được phân vùng hợp lý các chủng loại vật liệu riêng biệt nên có tình trạng vật liệu để chồng chéo, lẫn các loại với nhau, rất khó trong công tác tìm kiếm vật liệu để sử dụng cho các dự án, vì vậy công ty nên mở rộng diện tích bãi tập kết vật liệu, khoanh vùng và đặt hệ thống biển báo cho từng chủng loại vật liệu riêng.

- Với các loại nguyên vật liệu phụ cũng vậy, tuy đã có hệ thống nhà kho riêng nhưng qua tìm hiểu cho thấy việc quản lý vật liệu phụ cũng chưa được hợp lý, các loại vật liệu có kích thước nhỏ nhưng lại có số lượng lớn, các thủ kho chưa có cách sắp xếp hợp lý trong kho, chưa được phân loại chi tiết theo kích cỡ, chuyên dùng hay trọng lượng vận chuyển...do vậy khi theo dõi, quản lý cấp phát và phân bổ giá trị sẽ chưa đảm bảo được độ chính xác cao nên chúng

thường bị lẫn vào nhau, vì vậy phòng quản lý vật tư nên cho chế tạo các giá đựng vật liệu, đánh tên và vị trí cho các chủng loại vật liệu để dễ dàng trong việc tìm kiếm.

3.2.6.3. Bộ máy kế toán.

Để nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh ngoài việc tìm kiếm và mở rộng thị trường thì xí nghiệp cũng phải quan tâm đến các vấn đề nhân sự: thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiến thức cho cán bộ công nhân viên đặc biệt là trình độ tin học và các chuẩn mực kế toán mới. Thường xuyên kiểm tra sổ sách, đối chiếu số liệu nhằm phát hiện sai sót để chấn chỉnh kịp thời. Phát huy, tận dụng hết khả năng sử dụng máy vi tính mà công ty trang bị nhằm tổng hợp số liệu khoa học, rõ ràng. Tăng cường theo dõi, kiểm tra cán bộ công nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình thông qua việc thường xuyên theo dõi bảng chấm công của từng phòng ban. Tổ chức giờ làm việc một cách khoa học, ổn định, công tác phân công nhiệm vụ cụ thể nhằm chuyên môn hóa công tác kế toán, tăng hiệu quả của công việc. Có chính sách khen thưởng với các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công việc. Có chế độ thưởng phạt rõ ràng để khuyến khích tinh thần làm việc.

Bộ máy kế toán của một doanh nghiệp là tập hợp những người làm kế toán làm tại doanh nghiệp cùng với các phương tiện, trang thiết bị dùng để ghi chép, tính toán, xử lý toàn bộ thông tin liên quan đến công tác kế toán tại doanh nghiệp từ khâu thu nhận, kiểm tra, xử lý đến khâu tổng hợp, cung cấp những thông tin kinh tế về các hoạt động của đơn vị. Vấn đề nhân sự để thực hiện công tác kế toán có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong tổ chức kế toán của doanh nghiệp. Tổ chức nhân sự như thế nào để từng người phát huy được cao nhất điểm mạnh của mình, đồng thời tác động tích cực đến những bộ phận hoặc người khác có liên quan là mục tiêu của tổ chức bộ máy kế toán. Việc phân công nhiệm vụ, chức năng của các cán bộ kế toán của công ty hiện nay chưa hợp lý nên gây ra việc kém hiệu quả trong công tác tổ chức và quản lý. Việc phân chia lại nhiệm vụ của từng người là rất cần thiết vì qua đó có thể tăng được hiệu quả quản lý và nâng cao được sự cạnh tranh của công ty với các đối thủ cạnh tranh.

KẾT LUẬN

Qua nội dung đã trình bày có thể nói rằng kế toán nguyên vật liệu chiếm một vị trí quan trọng trong công tác kế toán ở các doanh nghiệp, nó góp phần không nhỏ và sự thành bại của doanh nghiệp nhất là đối với các doanh nghiệp sản xuất. Do vậy, tăng cường kế toán nguyên vật liệu đảm bảo sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm vật liệu để hạ giá thành có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

Sau một thời gian tìm hiểu thực tế tại công tycùng với sự giúp đỡ của cô giáo hướng dẫn và cán bộ phòng kế toán – tài chính của công ty, em đã hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.”.

Về mặt lý luận: Em đã trình bày một cách khái quát, có hệ thống những lý luận cơ bản về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Về mặt thực tế: Em đã đề xuất các biện pháp cụ thể nhằm hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu nói riêng và công tác kế toán nói chung.

Mặc dù đã cố gắng song do khả năng có hạn và thời gian tiếp xúc thực tế không nhiều nên Đồ án tốt nghiệp này không tránh khỏi những hạn chế, em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo để đồ án được hoàn thiện hơn và em được củng cố kiến thức và rút kinh nghiệm cho bản thân sau khi ra công tác.

Sau cùng em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Nguyễn Thị Mai Linh và các cán bộ kế toán Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234 đã giúp đỡ em nhiệt tình trong việc hoàn thiện bài khóa luận này. Xin chúc công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234 thành công rực rỡ trên con đường phát triển của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, ngày.... tháng.. năm 2016

Sinh viên

Bùi Thị Hoa

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1 và 2) – Nhà xuất bản tài chính.
3. Tài liệu, chứng từ, sổ sách kế toán năm 2015 của công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.
4. Khóa luận tốt nghiệp sinh viên khóa 13,14,15 trường Đại học Dân lập Hải Phòng
5. Mạng Internet